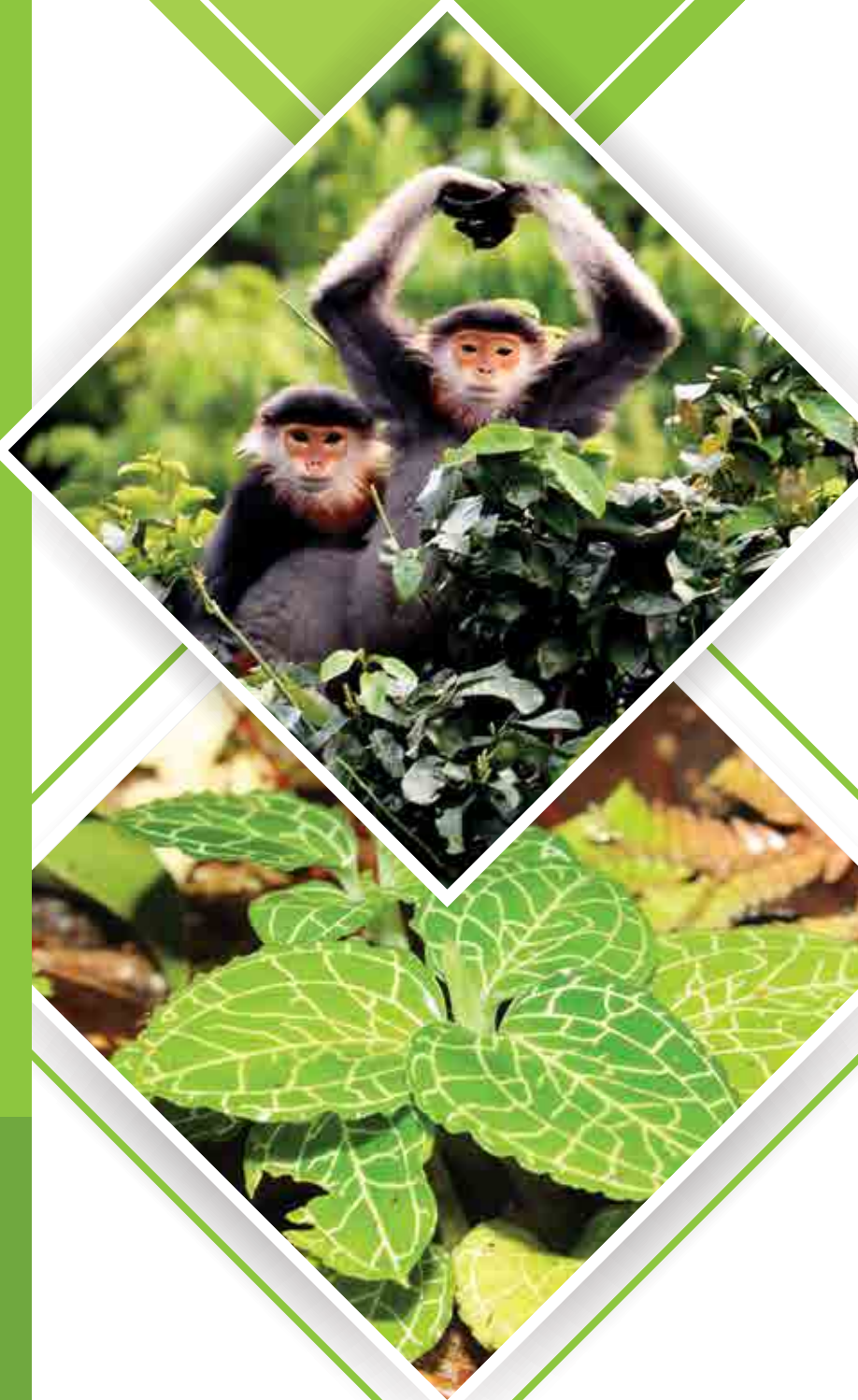




TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

NGHỊ ĐỊNH SỐ 59/2017/NĐ-CP
NGÀY 12 THÁNG 5 NĂM 2017
CỦA CHÍNH PHỦ VỀ QUẢN LÝ
TIẾP CẬN NGUỒN GEN VÀ
CHIA SẺ LỢI ÍCH TỪ VIỆC
SỬ DỤNG NGUỒN GEN



TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

NGHỊ ĐỊNH SỐ 59/2017/NĐ-CP
NGÀY 12 THÁNG 5 NĂM 2017 CỦA CHÍNH PHỦ
VỀ QUẢN LÝ TIẾP CẬN NGUỒN GEN VÀ CHIA SẺ
LỢI ÍCH TỪ VIỆC SỬ DỤNG NGUỒN GEN

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	7
GIỚI THIỆU BỐI CẢNH PHÁP LÝ	8
NGUYÊN TẮC CHUNG	12
KHÁI NIỆM CƠ BẢN VỀ TIẾP CẬN NGUỒN GEN VÀ CHIA SẺ LỢI ÍCH	16
1. Nguồn gen	16
2. Tiếp cận nguồn gen	16
3. Sử dụng nguồn gen	20
CÁC CHỦ THỂ TRONG HOẠT ĐỘNG TIẾP CẬN NGUỒN GEN VÀ CHIA SẺ LỢI ÍCH	24
1. Bên cung cấp	24
2. Bên tiếp cận	24
3. Cơ quan quản lý nhà nước	25
YÊU CẦU VỀ TIẾP CẬN NGUỒN GEN VÀ CHIA SẺ LỢI ÍCH	30
1. Yêu cầu chung để được cấp Giấy phép tiếp cận nguồn gen:	31
2. Các yêu cầu cụ thể đối với từng chủ thể khác nhau được Nghị định 59/2017/NĐ-CP quy định	31
2.1. Yêu cầu đối với chủ thể trong nước tiếp cận nguồn gen vì mục đích thương mại, phát triển sản phẩm thương mại:	31
2.2. Yêu cầu đối với chủ thể tiếp cận nước ngoài cho bất kỳ mục đích nào	32
3. Yêu cầu đối với Hợp đồng tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích	33
CƠ CHẾ TRAO ĐỔI THÔNG TIN	36
TRÌNH TỰ, THỦ TỤC TIẾP CẬN NGUỒN GEN	38

Trình tự, thủ tục tiếp cận nguồn gen	38
Quy định về thẩm định và cấp Giấy phép tiếp cận nguồn gen	41
TRƯỜNG HỢP ĐẶC BIỆT	43
1. Yêu cầu và trình tự đối với trường hợp được quy định bởi Điều 8 của Nghị định thư Nagoya	43
2. Yêu cầu và trình tự đối với các trường hợp thuộc chương trình thương mại sinh học bền vững	43
3. Yêu cầu và trình tự đối với học sinh, sinh viên, nghiên cứu sinh, tổ chức khoa học và công nghệ Việt Nam đưa nguồn gen ra nước ngoài	44
4. Yêu cầu và trình tự quy định đối với nguồn gen được tiếp cận sau 2009	47
QUY ĐỊNH VỀ GIẤY PHÉP TIẾP CẬN NGUỒN GEN	48
1. Yêu cầu đối với Giấy phép tiếp cận nguồn gen	48
2. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân được cấp Giấy phép tiếp cận nguồn gen	48
3. Nghĩa vụ chia sẻ lợi ích của tổ chức, cá nhân được cấp Giấy phép tiếp cận nguồn gen	49
4. Gia hạn Giấy phép tiếp cận nguồn gen	50
5. Thu hồi Giấy phép tiếp cận nguồn gen	51
6. Điều kiện thay đổi, chuyển giao cho bên thứ ba, quyền sở hữu trí tuệ và nghĩa vụ	51
7. Báo cáo kết quả việc thực hiện tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích	52
PHỤ LỤC	53
Phụ lục 1. THÔNG TIN LIÊN HỆ	54
Phụ lục 2. CÁC BIỂU MẪU QUY ĐỊNH TẠI PHỤ LỤC KÈM THEO	55

GIẢI THÍCH TỪ/ THUẬT NGỮ VIẾT TẮT

ABS	Tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích (<i>Access to Genetic resources and Benefit sharing</i>)
CBD	Công ước Đa dạng sinh học (<i>Convention on Biodiversity</i>)
COP	Hội nghị các Bên thành viên (<i>Conference of parties</i>)
ĐDSH	Đa dạng sinh học
MAT	Hợp đồng tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích/ Điều khoản thỏa thuận (<i>Mutually Agreed Terms</i>)
NN&PTNT	Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
NFP	Cơ quan đầu mối quốc gia (<i>National Focal Point</i>)
NCA	Cơ quan nhà nước có thẩm quyền (<i>National Competent Authority</i>)
NG	Nguồn gen
Nghị định 59	Nghị định số 59/2017/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ về quản lý tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích từ việc sử dụng nguồn gen
Nghị định 65	Nghị định số 65/2010/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật ĐDSH
Nghị định thư Nagoya	Nghị định thư Nagoya về tiếp cận nguồn gen và chia sẻ công bằng, hợp lý lợi ích phát sinh từ việc sử dụng nguồn gen trong khuôn khổ Công ước Đa dạng sinh học
PIC	Giấy phép tiếp cận nguồn gen/Đồng thuận thông báo trước (<i>Prior informed consent</i>)
R&D	Nghiên cứu và Phát triển (<i>Research and Development</i>)
TN&MT	Tài nguyên và Môi trường
TTTT	Tri thức truyền thống
UBND	Ủy ban nhân dân

LỜI MỞ ĐẦU

Nằm trên bán đảo Đông Dương, Việt Nam là một trong những điểm nóng về đa dạng sinh học (ĐDSH) trên thế giới¹. Là một trong 12 trung tâm ĐDSH của thế giới, Việt Nam ước tính có 42.900 loài, trong đó gần 14.000 loài thực vật được ghi nhận, 11.000 loài sinh vật biển và nhiều loài sinh vật đặc hữu quý hiếm². ĐDSH của Việt Nam còn được thể hiện qua sự phong phú của các loài, giống cây trồng và vật nuôi bản địa, cây thuốc, thảo dược và tri thức truyền thống (TTTT). Nguồn tài nguyên này có ý nghĩa quan trọng đối với sự phát triển kinh tế, đặc biệt khi quá trình sản xuất vẫn còn dựa nhiều vào khai thác tài nguyên thiên nhiên và thực trạng nông, lâm, ngư nghiệp vẫn chiếm tỷ trọng cao trong nền kinh tế.

Với những giá trị to lớn mà nguồn tài nguyên di truyền mang lại, cùng với sự phát triển như vũ bão gần đây của ngành công nghệ sinh học, công nghệ dược phẩm, mỹ phẩm có thể đem lại những lợi nhuận khổng lồ từ việc tiếp cận và sử dụng nguồn gen (NG). Việc chia sẻ công bằng và hợp lý lợi ích từ việc sử dụng NG có thể góp phần xóa đói giảm nghèo, thúc đẩy phát triển kinh tế của đất nước một cách bền vững, đồng thời bảo vệ được tài nguyên thiên nhiên.

Tuy nhiên, hiện nay ở Việt Nam, ĐDSH đang bị khai thác quá mức, nhiều nguồn tài nguyên đang dần cạn kiệt và đối mặt với nguy cơ biến mất. Trước thực trạng đó, Việt Nam đã ban hành các chính sách để bảo tồn và phát triển bền vững ĐDSH và thực thi các điều ước quốc tế mà nước ta đã ký kết, tham gia. Năm 2008, vấn đề tiếp cận NG và chia sẻ lợi ích lần đầu tiên được quy định trong Luật ĐDSH. Sau đó, Nghị định số 65/2010/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật ĐDSH (sau đây gọi là Nghị định 65) được ban hành có các Điều 18, 19 và 20 hướng dẫn về nội dung này.

Vào năm 2014, Việt Nam đã trở thành thành viên của Nghị định thư Nagoya về tiếp cận NG và chia sẻ công bằng, hợp lý lợi ích phát sinh từ việc sử dụng NG trong khuôn khổ Công ước ĐDSH (sau đây gọi là Nghị định thư Nagoya). Hai năm sau đó, vào ngày 27 tháng 6 năm 2016, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1141/QĐ-TTg phê duyệt đề án tăng cường năng lực quản lý về quản lý tiếp cận NG và chia sẻ công bằng, hợp lý lợi ích phát sinh từ việc sử dụng NG giai đoạn 2016-2025. Tiếp đó, ngày 12 tháng 5 năm 2017, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 59/2017/NĐ-CP về quản lý tiếp cận NG và chia sẻ lợi ích từ việc sử dụng NG (sau đây gọi là Nghị định 59) nhằm thực thi các quy định của Nghị định thư Nagoya và chi tiết các nội dung về tiếp cận NG và chia sẻ lợi ích được quy định tại Luật ĐDSH, 2008. Các quy định của Nghị định 59 thay thế các quy định tại Điều 18, Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 65.

Nhằm mục đích hướng dẫn thực hiện Nghị định 59, tài liệu này cung cấp các thông tin giải thích cụ thể các khái niệm cơ bản, trình tự, thủ tục cần thiết để đăng ký, thỏa thuận, ký kết hợp đồng và đề nghị cấp Giấy phép tiếp cận NG, cũng như việc chia sẻ lợi ích đạt được từ việc sử dụng NG, các yêu cầu đặt ra cho Bên tiếp cận NG là các tổ chức, cá nhân có dự định hoặc có hoạt động tiếp cận NG tại Việt Nam.

Tài liệu do Cục Bảo tồn thiên nhiên và ĐDSH, Tổng cục Môi trường phối hợp cùng các chuyên gia xây dựng trong khuôn khổ Dự án “Xây dựng năng lực cho việc phê chuẩn và thực hiện Nghị định thư Nagoya về tiếp cận NG và chia sẻ lợi ích ở Việt Nam” do Quỹ Môi trường toàn cầu tài trợ thông qua Chương trình Phát triển của Liên hợp quốc (UNDP).

Hà Nội, tháng 12 - 2018

Cục Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học

1. Điểm nóng Bảo tồn ĐDSH quốc tế

http://www.biodiversityhotspots.org/xp/hotspots/hotspots_by_region/Pages/default.aspx.

2. Đánh giá vào ngày 20/5/2012. Sổ tay Sinh thái và Môi trường Việt Nam, International Business, USA, Washington DC, USA-Viet Nam, 2008, p. 43 http://unctad.org/en/PublicationsLibrary/webditcted2016d9_en.pdf, p1, tra cứu ngày 20/9/2017

GIỚI THIỆU BỐI CẢNH PHÁP LÝ

Các quy định quốc tế về ABS

Trong vòng hơn hai thập kỷ trở lại đây, thế giới chứng kiến sự gia tăng nhận thức của cộng đồng về vai trò và tầm quan trọng của ĐDSH đối với cuộc sống của con người, cũng như sự phát triển mạnh mẽ của pháp luật quốc tế về ĐDSH. Được thông qua năm 1992, Công ước ĐDSH (CBD) có hiệu lực thực thi năm 1994 là dấu mốc quan trọng trong nỗ lực của cộng đồng quốc tế về bảo tồn ĐDSH và phát triển bền vững. Công ước chính thức ghi nhận chủ quyền quốc gia đối với nguồn tài nguyên ĐDSH, trong đó có tài nguyên di truyền. Nguồn tài nguyên này không còn là của “trời cho” để tất cả những bên tiếp cận ở các quốc gia phát triển có thể tìm kiếm và sử dụng một cách miễn phí. Công ước đã trao các quốc gia có quyền điều chỉnh cụ thể đối với nguồn tài nguyên này trong phạm vi chủ quyền quốc gia của mình.

Công ước đã đặt ra nguyên tắc tạo điều kiện để tiếp cận NG (khoản 2 Điều 15), đồng thời đặt ra nghĩa vụ chia sẻ lợi ích từ việc sử dụng NG (khoản 7 Điều 15). Hai nguyên tắc này được đặt ra trước thực tế, nguồn tài nguyên ĐDSH, TTTT gắn với nguồn tài nguyên này chủ yếu tập trung ở các nước đang phát triển, trong khi đó năng lực (nguồn lực tài chính, khoa học, kỹ thuật công nghệ) để sử dụng NG phục vụ cho nhu cầu của con người lại tập trung ở các nước phát triển. Cơ chế tiếp cận NG và chia sẻ lợi ích một cách công bằng và hợp lý từ việc sử dụng NG được đặt ra để đáp ứng nhu cầu được tiếp cận NG của các nước phát triển và mong muốn được chia sẻ lợi ích từ việc sử dụng NG của các nước đang phát triển.

Vì vậy, một trong ba mục tiêu của Công ước là yêu cầu chia sẻ công bằng và hợp lý lợi ích thu được từ việc sử dụng NG. Để cụ thể hóa mục tiêu thứ ba của CBD, Nghị định thư Nagoya được các quốc gia thông qua năm 2010 và có hiệu lực vào ngày 12 tháng 10 năm 2014. Mục tiêu của Nghị định thư Nagoya là nhằm chia sẻ công bằng, hợp lý các lợi ích phát sinh từ việc sử dụng NG qua việc tiếp cận thích hợp NG và chuyển giao công nghệ phù hợp, xem xét tất cả các quyền đối với nguồn tài nguyên và công nghệ đó và với nguồn ngân quỹ thích hợp, từ đó, đóng góp cho việc bảo tồn ĐDSH và việc sử dụng bền vững các thành phần của ĐDSH (Điều 1 Nghị định thư Nagoya).

Các nội dung chính của Nghị định thư Nagoya đã bao gồm các thành tố cơ bản của quá trình tiếp cận NG và chia sẻ lợi ích (sau đây gọi là ABS) và các yếu tố về thể chế, thực thi Nghị định thư:

- Về nội dung chia sẻ lợi ích công bằng và hợp lý, Nghị định thư Nagoya nêu nguyên tắc các lợi ích được chia sẻ trên cơ sở các điều khoản đồng thuận (MAT) giữa bên cung cấp NG (sau đây gọi là bên cung cấp) và bên tiếp cận NG (sau đây gọi là bên tiếp cận). Các bên sẽ thực hiện các biện pháp thích hợp với mục đích đảm bảo sự chia sẻ công bằng và hợp lý lợi ích. Các lợi ích phát sinh từ việc sử dụng NG, TTTT gắn với NG được chia sẻ trên cơ sở điều khoản đồng thuận giữa các bên theo Điều 8(j), 15, 16 và 19 của CBD. Các lợi ích có thể bao gồm lợi ích tiền tệ và phi tiền tệ, bao gồm nhưng không giới hạn được liệt kê tại Phụ lục 1 của Nghị định thư Nagoya. Tại Việt Nam, MAT được hiểu là Hợp đồng tiếp cận NG và chia sẻ lợi ích giữa bên cung cấp và bên sử dụng nguồn gen.

- Trên cơ sở ghi nhận chủ quyền quốc gia tối cao đối với nguồn tài nguyên thiên nhiên, Nghị định thư Nagoya yêu cầu thực hiện thỏa thuận thông báo trước (PIC) đối với việc tiếp cận NG. Các bên sẽ thực thi các biện pháp chính sách, hành chính và pháp lý thích hợp để nhằm cung cấp thông tin làm thế nào áp dụng PIC, ban hành quyết định bằng văn bản rõ ràng và minh bạch bởi cơ quan nhà nước có thẩm quyền (NCA) với cách thức hiệu quả tiết kiệm nhất trong một khoảng thời gian hợp lý nhất; đặt ra các tiêu chí và/hoặc tiến trình phù hợp để đạt được Giấy phép tiếp cận NG với sự tham gia của cộng đồng địa phương/bản địa về tiếp cận NG. Tại Việt Nam, thỏa thuận thông báo trước được cho phép thông qua hoạt động cấp Giấy phép tiếp cận NG.
- Nghị định thư Nagoya quy định các bên sẽ xem xét cân nhắc với sự tham gia hiệu quả của cộng đồng địa phương/bản địa liên quan, sẽ thiết lập cơ chế thông báo cho những bên sử dụng tiềm năng TTTT gắn với NG về nghĩa vụ của họ để tiếp cận và chia sẻ công bằng lợi ích phát sinh từ việc sử dụng tri thức này (Điều 12 Nghị định thư Nagoya).
- Nghị định thư Nagoya yêu cầu các bên chỉ định một đầu mối quốc gia (NFP) về ABS và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền (NCA) về ABS. Một quốc gia thành viên có thể đề cử một đơn vị để vừa thực hiện chức năng NFP vừa là NCA (Điều 13 Nghị định thư Nagoya).
- Nghị định thư Nagoya yêu cầu các bên chỉ định một hoặc nhiều điểm kiểm soát (checkpoint) để thu thập hay tiếp nhận thông tin liên quan đến PIC, thiết lập MAT hay việc sử dụng nguồn gen. Để giám sát việc thực hiện sử dụng nguồn gen, việc cấp phép tiếp cận nguồn gen sẽ được công bố trên Cổng trao đổi thông tin quốc tế về ABS của Ban thư ký Công ước Đa dạng sinh học, tạo thành Chứng chỉ tuân thủ quốc tế (Certificate of Compliance) (Điều 17, Nghị định thư Nagoya)

Hộp 1. Tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích công bằng và hợp lý các lợi ích thu được từ việc sử dụng nguồn gen (gọi tắt là ABS) đề cập đến những nguyên tắc được quy định tại các điều ước quốc tế như Công ước ĐDSH (CBD) hay Nghị định thư Nagoya và các Luật, quy định và chính sách của các quốc gia.

Trên cơ sở công nhận các quyền chủ quyền đối với ĐDSH, bao gồm nguồn gen, các quốc gia sẽ quy định cụ thể về cách thức tiếp cận nguồn gen và lợi ích từ việc sử dụng nguồn gen phải được chia sẻ công bằng, hợp lý. Tại Việt Nam, các nguyên tắc này được thực hiện thông qua các quy định về Giấy phép tiếp cận nguồn gen và Hợp đồng tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích.

Cơ chế tuân thủ các quy định của Nghị định thư Nagoya được minh họa trong Hình 1 dưới đây.

3. <https://www.cbd.int/abs/text/articles/default.shtml?sec=abs-12>
4. <https://www.cbd.int/abs/text/articles/default.shtml?sec=abs-13>
5. <https://www.cbd.int/abs/text/articles/default.shtml?sec=abs-17>

Thực thi ABS của quốc gia

Trên cơ sở những quy định của Nghị định thư Nagoya, các quốc gia thành viên sẽ xây dựng khung pháp luật, chính sách quốc gia để thực thi về ABS. Tại Việt Nam, khi ABS được thực hiện,

lợi ích được chia sẻ công bằng và hợp lý sẽ là một yếu tố quan trọng, là động lực để bảo tồn ĐDSH, đồng thời còn góp phần xóa đói giảm nghèo, nâng cao đời sống của cộng đồng địa phương.

Mục đích và cách tiếp cận để thực hiện ABS tại Việt Nam

Tại Việt Nam, việc sử dụng NG có ý nghĩa rất lớn khi nền kinh tế còn phụ thuộc nhiều vào tài nguyên thiên nhiên. Vai trò, tầm quan trọng của NG trong nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội, những giá trị kinh tế mà NG mang lại là hết sức to lớn, đồng thời cũng hứa hẹn nhiều tiềm năng, triển vọng đóng góp cho sự phát triển kinh tế của đất nước nếu được áp dụng và quản lý tốt.

ABS là một cách thức tiếp cận, sử dụng và chia sẻ lợi ích từ NG, có thể đem lại lợi ích cho cả bên tiếp cận và bên cung cấp. ABS đảm bảo rằng, cách thức NG được tiếp cận và/ hoặc được sử dụng sẽ tối đa hóa lợi ích của bên tiếp cận, bên cung cấp, hệ sinh thái và cộng đồng nơi NG được tìm thấy.

Bên tiếp cận tìm kiếm NG nhằm đem lại hàng loạt các lợi ích từ các nghiên cứu khoa học đến việc phát triển các sản phẩm thương mại để đóng góp cho sự sống của loài người như thực phẩm, dược phẩm, mỹ phẩm, nguyên liệu tự nhiên và các giống cây trồng mới. Bên cung cấp NG khi đồng ý cho tiếp cận đối với nguồn tài nguyên này để nhận lại sự chia sẻ công bằng và hợp lý các lợi ích từ việc sử dụng. Lý tưởng nhất là một phần các lợi ích này được sử dụng để đóng góp vào việc tăng cường bảo tồn và sử dụng bền vững ĐDSH. Sự chia sẻ các lợi ích tiên tệ và phi tiên tệ có thể góp phần quan trọng vào xóa đói giảm nghèo và phát triển bền vững. Việc phát huy ABS mở ra một kênh phát triển kinh tế dựa trên lợi thế tiềm năng về đa dạng NG của Việt Nam.

Nhận thức được tầm quan trọng của NG và cơ chế ABS, Luật ĐDSH 2008 đã dành chương V về bảo tồn và phát triển bền vững nguồn tài nguyên di truyền để quy định về NG và các vấn đề liên quan. Trong đó, Mục 1 về quản lý, tiếp cận NG và chia sẻ lợi ích từ việc tiếp cận NG (từ Điều 55 đến Điều 61) đã bao quát toàn bộ các nội dung chính của ABS. Những quy định này phù hợp với nguyên tắc cơ bản của CBD và Nghị định thư Nagoya.

Nhằm thực hiện nguyên tắc tôn trọng chủ quyền quốc gia tối cao, và trách nhiệm quốc gia về bảo tồn và sử dụng bền vững NG trên lãnh thổ nước mình, khoản 1 Điều 55 Luật ĐDSH quy định “Nhà nước thống nhất quản lý toàn bộ NG trên lãnh thổ Việt Nam”. Điều này khẳng định Nhà nước là chủ sở hữu duy nhất toàn bộ NG trên lãnh thổ Việt Nam. Chế độ sở hữu NG là chế độ sở hữu toàn dân, phù hợp với nội dung của Điều 53, Hiến pháp 2013.

Các tổ chức, cá nhân được giao quản lý NG trên có các quyền và nghĩa vụ cụ thể theo Điều 56 của Luật ĐDSH. Trong đó có quyền hưởng lợi ích do tổ chức, cá nhân tiếp cận NG chia sẻ theo quy định tại Điều 58 và Điều 61 Luật ĐDSH 2008.

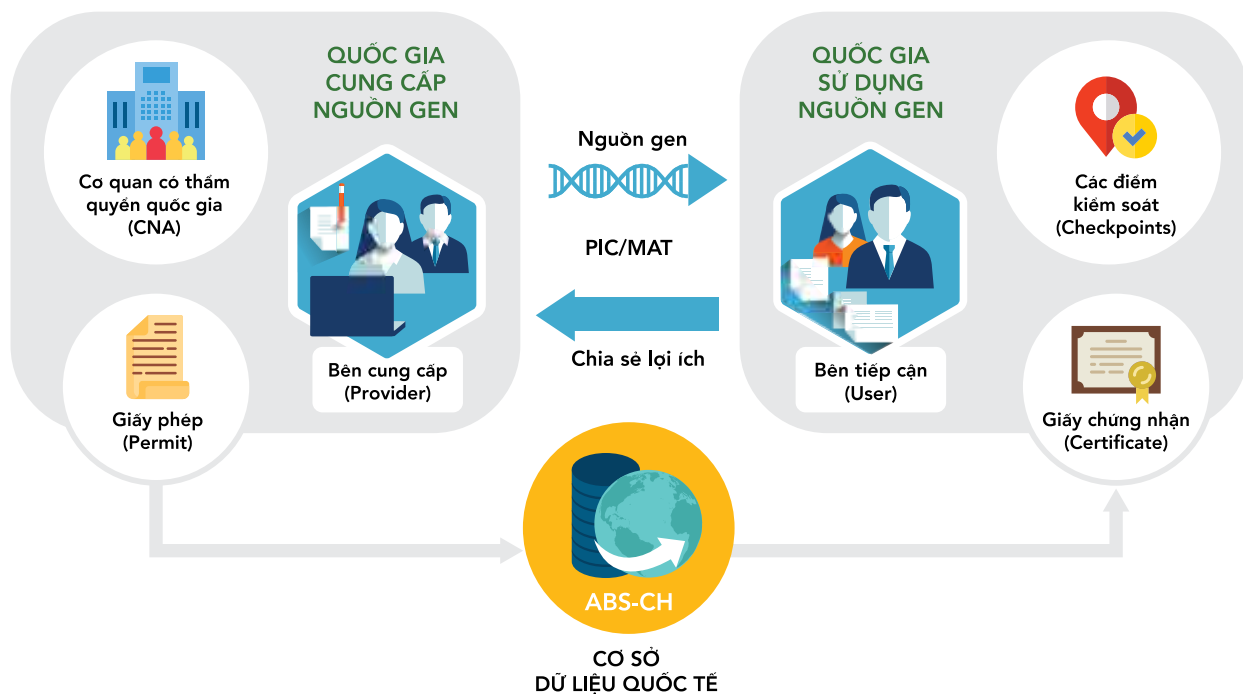
Luật cũng đưa ra các quy định chung về các cách thức và phương thức tiếp cận, mục đích, kế hoạch của việc tiếp cận, thời gian, chủ thể tiếp cận, các điều kiện đảm bảo an toàn sinh học và bảo vệ môi trường hệ sinh thái, cụ thể là Điều 57 quy định về trình tự, thủ tục tiếp cận NG, Điều 58 về Hợp đồng ABS và Điều 59 về Giấy phép tiếp cận NG.

Luật ĐDSH đã xác định được các nội dung chính của Hợp đồng ABS và Giấy phép tiếp cận NG, các nội dung quan trọng của Hợp đồng ABS.

Ngày 11 tháng 6 năm 2010, Chính phủ đã ban hành Nghị định 65, có một số điều quy định các bước cơ bản cụ thể hướng dẫn trình tự, thủ tục tiếp cận NG và chia sẻ lợi ích. Tuy nhiên, các quy định của Nghị định 65 còn nhiều hạn chế, chưa cụ thể hóa một cách khả thi để có thể áp dụng trực tiếp được vào thực tiễn. Các quy định này của Nghị định 65 càng trở nên bất cập khi Việt Nam gia nhập Nghị định thư Nagoya năm 2014 và khi thực tiễn đòi hỏi phải có một Nghị định mới để có thể đưa cơ chế ABS vào cuộc sống, thực thi các quy định của Nghị định thư Nagoya và quy định của Luật ĐDSH. Ngày 12

tháng 5 năm 2017, Nghị định 59 được Chính phủ ban hành nhằm đáp ứng yêu cầu đó.

Nghị định 59 có hiệu lực thực hiện từ ngày 01 tháng 7 năm 2017. Nghị định bao gồm 28 Điều trong 5 chương, quy định chi tiết trình tự, thủ tục của quá trình ABS từ bước đăng ký, thương thảo hợp đồng ABS, đến đề nghị cấp giấy phép tiếp cận NG, chia sẻ lợi ích, kiểm soát tuân thủ thông qua chế độ thông tin, báo cáo. Quyền và nghĩa vụ của các chủ thể liên quan cũng được cụ thể hóa, bao gồm cả phía cơ quan quản lý nhà nước, chỉ định cơ quan đầu mối quốc gia, cơ quan có thẩm quyền cấp phép. Cùng với các quy định chính nêu trên, để có thể áp dụng trực tiếp quy định của Nghị định, 9 biểu mẫu được ban hành kèm theo tại phụ lục của Nghị định.



Nguồn: <http://www.abs-initiative.info/>

Hình 1. Các quy định về tuân thủ của Nghị định thư Nagoya

NGUYÊN TẮC CHUNG

Bảo tồn và sử dụng bền vững các thành phần của đa dạng sinh học là hai thành tố không tách rời, hai hoạt động tương hỗ cho nhau trong chính sách bảo tồn ĐDSH hiện nay. Đây cũng chính là trọng tâm và định hướng cho pháp luật về ĐDSH nói chung và ABS nói riêng. Chính vì vậy, Luật ĐDSH 2008 đặt ra nguyên tắc “*Kết hợp hài hòa giữa bảo tồn với khai thác, sử dụng hợp lý đa dạng sinh học; giữa bảo tồn, khai thác, sử dụng hợp lý ĐDSH với việc xóa đói, giảm nghèo*” (khoản 2 Điều 4 Luật ĐDSH) và nguyên tắc “*Tổ chức, cá nhân hưởng lợi từ việc khai thác, sử dụng đa dạng sinh học phải chia sẻ lợi ích với các bên có liên quan; bảo đảm hài hòa giữa lợi ích của Nhà nước với lợi ích của tổ chức, cá nhân*” (khoản 4 Điều 4 Luật ĐDSH). Như vậy, cùng với việc cho phép khai thác và sử dụng hợp lý nguồn tài nguyên ĐDSH, Nhà nước cũng yêu cầu việc bảo tồn ĐDSH, các lợi ích thu được từ việc sử dụng ĐDSH phải được chia sẻ để quay

trở lại phục vụ cho bảo tồn ĐDSH. Nhà nước “*Khuyến khích và bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân đầu tư, áp dụng tiến bộ khoa học, công nghệ, TTTT vào việc bảo tồn, phát triển bền vững đa dạng sinh học*” (khoản 3 Điều 5 Luật ĐDSH). Đây cũng là tuyên bố cụ thể nhằm thực hiện nguyên tắc về tạo điều kiện để tiếp cận NG theo Điều 15 của CBD.

Luật ĐDSH cũng khẳng định chính sách “bảo đảm kiểm soát việc tiếp cận NG” (khoản 1 Điều 5 Luật ĐDSH), đây là chính sách nhằm thực hiện chủ quyền quốc gia đối với NG phù hợp với quy định của CBD và Nghị định thư Nagoya, điều này được khẳng định lại tại khoản 1 Điều 55 của Luật ĐDSH “Nhà nước thống nhất quản lý toàn bộ nguồn gen trên lãnh thổ Việt Nam”.

Cụ thể, Nghị định 59 đã đề ra một số nguyên tắc trong việc xây dựng, triển khai các quy định trong thực tế:

NGUYÊN TẮC 1:

Nhà nước Việt Nam thực hiện chủ quyền đối với toàn bộ nguồn gen trên lãnh thổ quốc gia⁶

Đây là nguyên tắc đầu tiên trong quản lý tiếp cận NG và chia sẻ lợi ích từ việc sử dụng NG được Nghị định 59 khẳng định. Quy định này làm rõ hơn nguyên tắc được quy định tại Luật ĐDSH “*Nhà nước thống nhất quản lý toàn bộ NG trên lãnh thổ Việt Nam*” phù hợp với quy định của Nghị định thư Nagoya. Quy định cũng cụ thể hóa quy định của Điều 53 Hiến pháp 2013: “*Đất đai, tài nguyên nước, tài nguyên khoáng sản, nguồn lợi ở vùng biển, vùng trời, tài nguyên thiên nhiên khác và các tài sản do Nhà nước đầu tư, quản lý là tài sản công thuộc sở hữu toàn dân do Nhà nước đại diện chủ sở hữu và thống nhất quản lý*”. Như vậy NG thuộc sở hữu toàn dân do Nhà nước đại diện chủ sở hữu và thống nhất quản lý.

Đồng thời, Nhà nước giao lại quyền và trách nhiệm quản lý NG cho 4 nhóm chủ thể sau (Điều 55 Luật ĐDSH):

a) Ban quản lý khu bảo tồn, tổ chức được giao quản lý khu bảo tồn quản lý NG trong khu bảo tồn;

6. Khoản 1 Điều 4 Nghị định 59

- b) Chủ cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học, cơ sở nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, cơ sở lưu giữ, bảo quản NG quản lý NG thuộc cơ sở của mình;
- c) Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân được giao quản lý, sử dụng đất, rừng, mặt nước quản lý NG thuộc phạm vi được giao quản lý, sử dụng; (để xác định nhóm chủ thể này, xem giải thích tại Mục - Chủ thể, 1. Bên cung cấp NG dưới đây).
- d) Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý NG trên địa bàn, trừ trường hợp quy định tại các điểm a, b và c nêu trên.

Theo quy định của Việt Nam, các cá nhân và tổ chức nêu trên được giao quyền quản lý NG là bên cung cấp NG. Hình 2 dưới đây thể hiện việc giao cho các đối tượng (Bên cung cấp) quản lý NG của Nhà nước.

Tuy nhiên, điều quan trọng cần làm rõ ở đây là Nhà nước vẫn duy trì quyền sở hữu và các quy định đối với NG. Bên cung cấp đồng ý với việc cho phép tiếp cận nguồn gen và đàm phán ký kết hợp đồng ABS, nhưng chính Nhà nước quyết định cấp phép NG cho các mục đích sử dụng, xác định quyền và trách nhiệm của bên cung cấp bằng việc ủy quyền thương lượng hợp đồng ABS và quy định tỷ lệ chia sẻ lợi ích tối thiểu.

Ngoài ra, một điều quan trọng nữa cần làm rõ đó là quyền quản lý NG khác với các quyền gắn với tri thức truyền thống về NG. Tại Việt Nam, *“TTTT về NG là sự hiểu biết, kinh nghiệm, sáng kiến của người dân địa phương về bảo tồn và sử dụng NG”*. TTTT có thể thuộc sở hữu của một cá nhân, gia đình (ví dụ: bài thuốc gia truyền), một cộng đồng bản địa, nhóm dân tộc thiểu số (ví dụ: bài thuốc tắm của người Dao Đỏ), hay phổ biến dân gian thuộc sở hữu quốc gia (ví dụ: bài thuốc tắm xông chữa cảm gió). Do có sự khác biệt cơ bản trong chế độ sở hữu nên các yêu cầu ABS đối với TTTT cũng sẽ khác và riêng biệt so với các yêu cầu ABS đối với NG.

NGUYÊN TẮC 2:

Bên tiếp cận là tổ chức, cá nhân nước ngoài chỉ được thực hiện hoạt động tiếp cận nguồn gen khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam cấp phép⁸

Nguyên tắc này được bắt đầu thực thi khi Nghị định 59 có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2017. Đối với NG đã được tiếp cận trước ngày Nghị định 59 có hiệu lực sẽ áp dụng các quy định của Luật ĐDSH và các quy định khác như Luật Bảo vệ và Phát triển Rừng, Luật Thủy sản, Pháp lệnh Giống cây trồng, Pháp lệnh Giống vật nuôi và Pháp lệnh Thú y (sau này là Luật Thú y)…, tiến hành các thủ tục để được cấp phép đối với các mẫu vật được thu thập sau ngày này.

7.. Khoản 2 Điều 4 Nghị định 59

8. Khoản 3 Điều 4 Nghị định 59

NGUYÊN TẮC 3:

Nhà nước khuyến khích các tổ chức, cá nhân Việt Nam thực hiện các hoạt động nghiên cứu và phát triển nguồn gen⁹

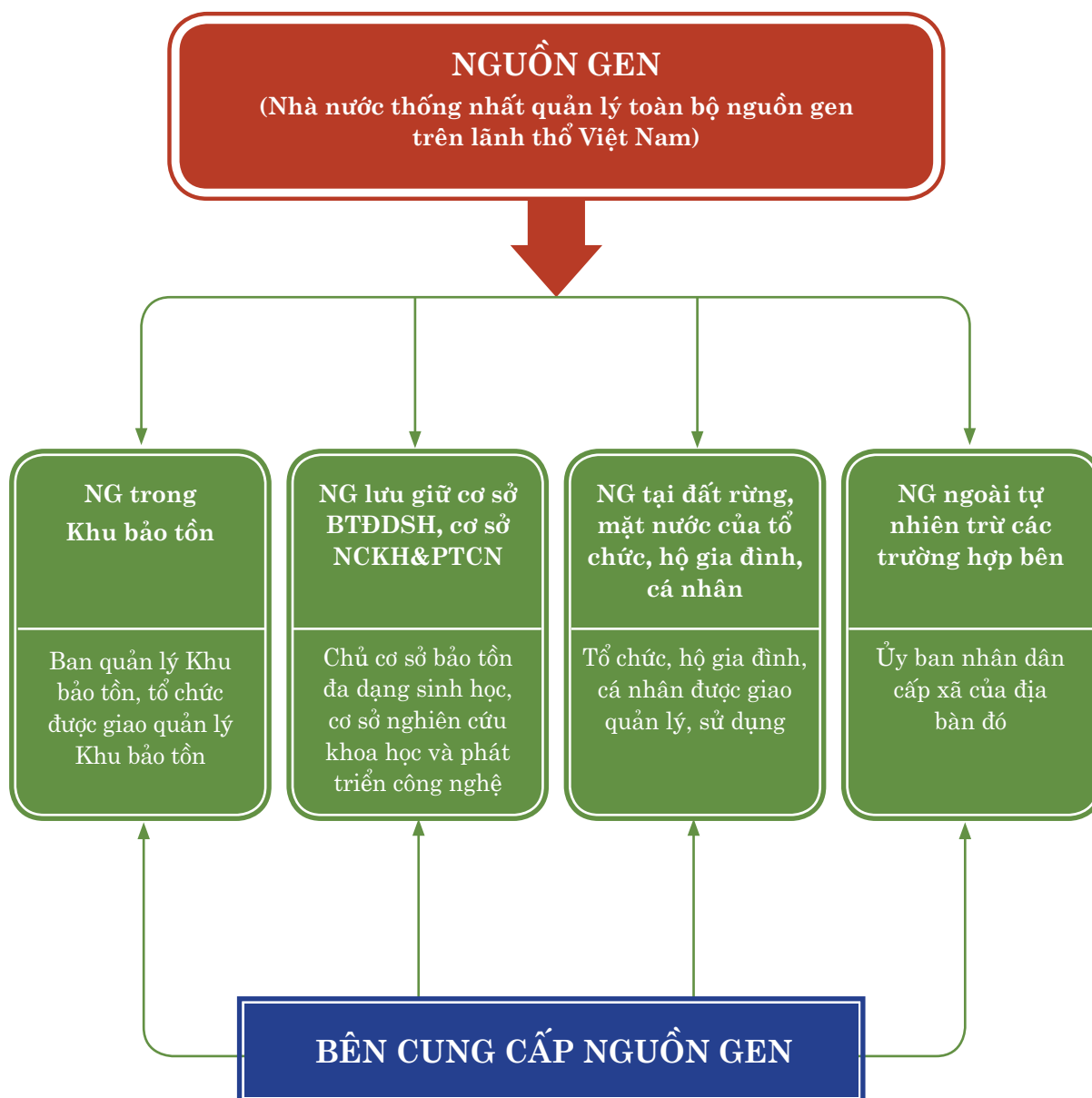
Một trong các mục tiêu của hệ thống ABS tại Việt Nam là nhằm khuyến khích nghiên cứu và phát triển NG trong nước. Vì vậy, Nghị định 59 đã quy định nguyên tắc nhằm thúc đẩy sự hợp tác nghiên cứu giữa các tổ chức, cá nhân trong nước, mở ra điều kiện phát triển năng lực nội tại quốc gia trong nghiên cứu khoa học, ứng dụng công nghệ sử dụng NG. Đây là lý do có sự khác biệt trong các yêu cầu áp dụng cho các bên tiếp cận trong nước và nước ngoài, trong đó, quy định bên sử dụng nước ngoài khi tiếp cận NG cần có sự hợp tác với các tổ chức nghiên cứu trong nước. Điều này cũng tương đối phổ biến trong pháp luật về ABS của các nước khác giàu có về ĐDSH mang đặc trưng là nước cung cấp NG như Ấn Độ, Brazil...

NGUYÊN TẮC 4:

Chia sẻ lợi ích từ sử dụng nguồn gen phải đảm bảo công bằng, hợp lý giữa các bên có liên quan và góp phần quản lý hiệu quả tài nguyên sinh học, thúc đẩy các quá trình nghiên cứu khoa học và thương mại hóa nguồn gen, chú trọng đến vai trò của cộng đồng địa phương trong việc bảo tồn và sử dụng bền vững tài nguyên di truyền.

Đây là một nguyên tắc mấu chốt. Nghị định 59 khẳng định mục tiêu của chia sẻ lợi ích là đảm bảo sự công bằng và hợp lý lợi ích được chia sẻ để nhằm bảo tồn và sử dụng bền vững tài nguyên sinh học, góp phần vào sự phát triển của khoa học, công nghệ và thương mại liên quan đến NG. Vai trò của cộng đồng địa phương cũng được đặt ra ngay trong phần nguyên tắc.

9. Khoản 29 Điều 3 Luật ĐDSH



Hình 2. Sơ đồ quản lý nguồn gen tại Việt Nam
(theo Điều 55 Luật ĐDSH)

KHÁI NIỆM CƠ BẢN VỀ TIẾP CẬN NGUỒN GEN VÀ CHIA SẺ LỢI ÍCH

Việc xác định những hoạt động nào là hoạt động nằm trong phạm vi ABS được quy định tại Nghị định 59 là rất quan trọng nhằm cung cấp cơ sở pháp lý và đảm bảo tính tuân thủ các quy định này. Để xác định được điều đó, những khái niệm cơ bản sau cần được xem xét:

1. Nguồn gen

Là văn bản hướng dẫn Luật ĐDSH, do đó Nghị định 59 áp dụng các định nghĩa được quy định tại Luật, như “*nguồn gen bao gồm các loài sinh vật, các mẫu vật di truyền trong khu bảo tồn, cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học, cơ sở nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ và trong tự nhiên*”¹⁰, điều đó có nghĩa là phạm vi của Nghị định bao gồm tất cả các nguồn tài nguyên sinh học ở Việt Nam; NG có nguồn gốc bản địa hoặc ngoại lai, hoang dã hoặc đã được thuần hóa.

Điểm quan trọng cần phải lưu ý là những loài du nhập cũng cần phải tuân thủ các quy định về ABS của Việt Nam. Bên sử dụng thường nhầm lẫn cho rằng nếu một loài được du nhập vào Việt Nam thì không phải tuân thủ các yêu cầu ABS. Nghị định 59 đưa ra định nghĩa “*Nguồn gốc, xuất xứ của NG*” là nơi có NG ở trạng thái hoang dã hoặc là nơi NG đã được thuần hóa và sản xuất lâu đời¹¹ nhằm tạo ra cơ sở pháp lý chính thức cho việc xác định “*nguồn gốc*”. Định nghĩa này của Nghị định 59 phù hợp với Điều 2 của CBD.

Ví dụ, trường hợp cây huyền sâm (*Scrophularia ningpoensis*) không phải là loài bản địa của Việt Nam, mà có nguồn gốc từ Trung Quốc, nhưng được di thực vào nước ta từ lâu, đã thích nghi với điều kiện sống trở thành giống địa phương và hiện được trồng phổ biến ở Việt Nam. Do vậy, cần phải áp dụng các quy định về ABS.

10. Khoản 2 Điều 3 Luật ĐDSH

11. Khoản 10 Điều 3 Nghị định 59

12. Khoản 29 Điều 3 Luật ĐDSH

12. Điều 1, Nghị định 59

2. Tiếp cận nguồn gen

*Tiếp cận nguồn gen là hoạt động điều tra, thu thập nguồn gen để nghiên cứu phát triển, sản xuất sản phẩm thương mại*¹²

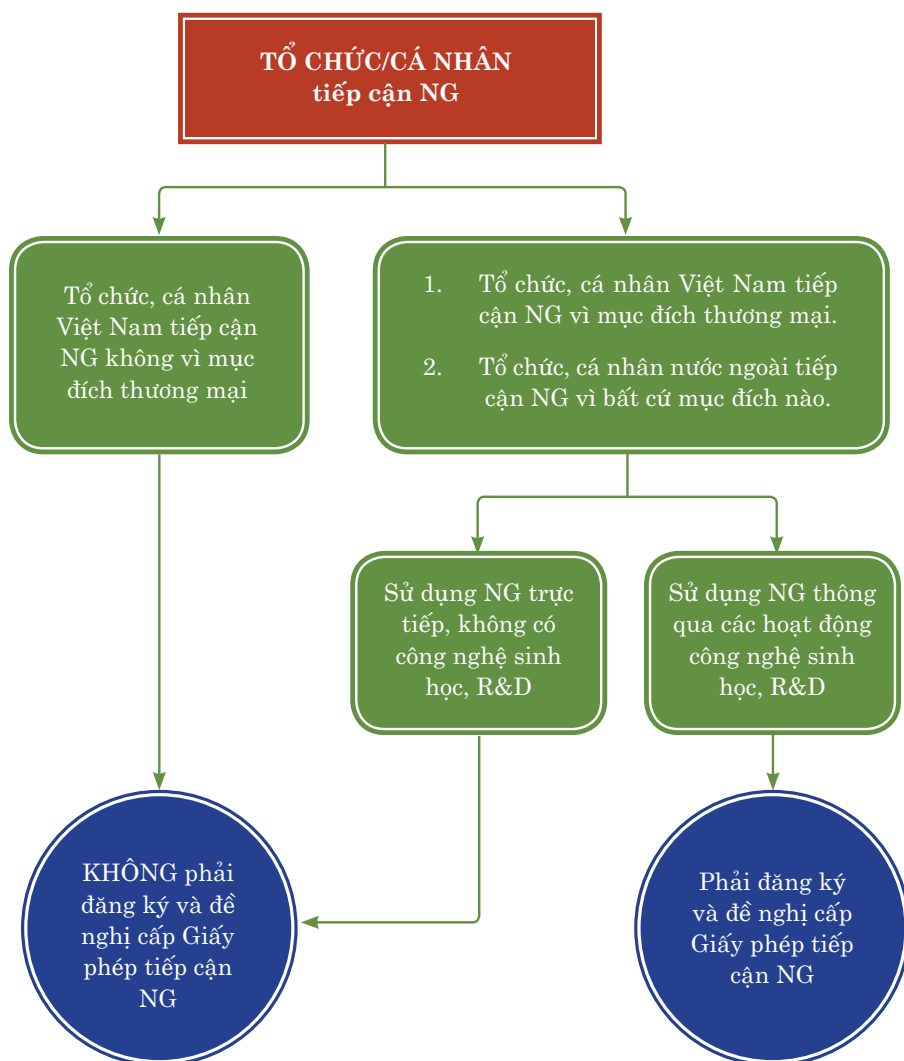
Luật ĐDSH đưa ra khái niệm “*Tiếp cận*” không chỉ bao hàm hoạt động thu thập/sưu tầm hay các hoạt động thu được nguồn gen, mà còn bao hàm mục đích sử dụng nguồn gen - thông qua nghiên cứu, phát triển hoặc thăm dò sinh học (theo cách hiểu nội hàm của từ “*điều tra*”). Theo cách hiểu này, tương tự Nghị định thư Nagoya, Nghị định 59 “*quy định về quản lý hoạt động tiếp cận để sử dụng và chia sẻ lợi ích từ việc sử dụng NG thuộc chủ quyền của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*”¹³. Như vậy, phạm vi điều chỉnh của Nghị định 59 quy định việc “*tiếp cận*” NG tập trung vào mục đích “*sử dụng*”. Thuật ngữ “*Sử dụng NG*” cũng được giải thích tại Nghị định 59 “*là các hoạt động nghiên cứu và phát triển có sử dụng các thành phần di truyền, hóa sinh và dẫn xuất của NG, bao gồm cả việc áp dụng công nghệ sinh học theo quy định tại Nghị định 59*”.

Một số ví dụ dưới đây giải thích rõ hơn hàm ý của cụm từ “*tiếp cận để sử dụng*” nêu trên.

- Một công ty thực hiện thu mua các loại thảo dược chế biến, sản xuất trà túi lọc bán trực tiếp trên thị trường, không phải là “*hoạt động tiếp cận*” NG theo quy định của Nghị định 59. Tuy nhiên, nếu như công ty đó thu mẫu thảo dược để nghiên cứu các tính chất/thành phần hóa sinh để xác định hoạt chất, và sử dụng hoạt chất đó để phát triển sản phẩm kinh doanh mới (ví dụ là thực phẩm chức năng) thì đây là “*hoạt động tiếp cận*” cần tuân thủ các quy định của Nghị định 59.

- Một người nông dân mua hạt giống dưa chuột về để canh tác trực tiếp thì không phải là hoạt động tiếp cận NG, nhưng một công ty/tổ chức nghiên cứu mua hạt giống dưa chuột về để lai tạo ra một giống dưa chuột mới thông qua việc sử dụng công nghệ sinh học thì đó là hoạt động tiếp cận NG theo quy định của Nghị định 59.

Cần lưu ý rằng các yêu cầu về ABS tại Việt Nam không chỉ bao gồm tiếp cận NG mà còn bao gồm tiếp cận dẫn xuất (thông thường được hiểu là “tiếp cận gián tiếp”). Chẳng hạn: hoạt động tiếp cận chiết xuất từ thảo dược được bán trên thị trường nhằm mục đích nghiên cứu để tạo ra các ứng dụng về dược phẩm cũng được xem là hoạt động “tiếp cận” thuộc phạm vi Nghị định 59.



Hình 3. Sơ đồ xác định đối tượng và hoạt động tiếp cận nguồn gen thuộc phạm vi ABS

Tiếp cận nguồn gen vì mục đích thương mại hay phi thương mại

Nghị định 59 phân biệt tiếp cận NG vì mục đích thương mại và mục đích phi thương mại. Sự phân biệt này không áp dụng đối với tổ chức, cá nhân nước ngoài, mà theo quy định phải đăng ký, đề nghị cấp giấy phép tiếp cận NG vì bất cứ mục đích nào (nguyên tắc 2).

Đối với tổ chức, cá nhân Việt Nam:

- Khi có nhu cầu tiếp cận NG để nghiên cứu vì mục đích thương mại và/hoặc phát triển sản phẩm thương mại phải đăng ký, đề nghị cấp giấy phép tiếp cận NG.
- Khi tiếp cận NG để nghiên cứu đơn thuần không vì mục đích thương mại hay phát triển sản phẩm thương mại thì **không** phải đăng ký, đề nghị cấp giấy phép tiếp cận NG.

Để xác định được “mục đích thương mại” thì cần hiểu “*hoạt động thương mại là hoạt động nhằm mục đích sinh lợi*”¹⁴. Như vậy, yếu tố “sinh lợi” là yếu tố căn bản của thương mại.

Tiếp cận NG cho mục đích thương mại là việc tiếp cận với một lợi ích nhất định, bằng cách phát triển các sản phẩm, thương mại hóa chúng để đạt được lợi nhuận.

Các đặc trưng của việc tiếp cận NG cho mục đích thương mại: sử dụng NG để phát triển các chế phẩm sinh học chuyên biệt, các enzyme chuyển hóa, các gen tăng cường, hoặc các phân tử nhỏ. Các chế phẩm, enzym hay gen này có thể được sử dụng trong chăn nuôi, thú y, trồng trọt và bảo vệ thực vật, phát triển dược phẩm, sản xuất hoá chất chuyên ngành hoặc trong chế biến công nghiệp. Cũng có thể chuyển gen vào các loại cây trồng để có được các đặc điểm mong muốn nhằm nâng cao năng suất và khả năng kháng thuốc trừ cỏ, kháng bệnh.

Các đặc trưng của việc tiếp cận NG cho mục đích phi thương mại: NG có thể được sử dụng để nâng cao kiến thức hoặc sự hiểu biết về thế giới tự nhiên, với các hoạt động khác nhau, từ nghiên cứu phân loại học, khoa học cây trồng, vật nuôi, lập bản đồ gen đến phân tích hệ sinh thái.

Cần lưu ý rằng các loại hình tổ chức khác nhau có thể sử dụng nguồn gen cho cả hai mục đích thương mại và phi thương mại. Các tổ chức khoa học và công nghệ Việt Nam thực hiện những nghiên cứu không nhằm mục đích thương mại mà có thể dẫn đến những ứng dụng thương mại. Hoặc các tổ chức này có thể trực tiếp đối tác với các công ty để thực hiện những nghiên cứu nhằm mục đích thương mại.



14. Khoản 1 Điều 3 Luật Thương mại

Hộp 2. Một số ví dụ về hoạt động tiếp cận nguồn gen vì mục đích thương mại:

- Công nghệ sinh học: bao gồm một loạt các ngành công nghệ, như dược phẩm, các ứng dụng công nghiệp và nông nghiệp. Việc sử dụng NG trong những ngành này hết sức đa dạng. Ví dụ: Viện Vi sinh vật và Công nghệ sinh học (Đại học Quốc gia Hà Nội) đã cấp phát nhiều chủng vi sinh vật (VSV) như vi khuẩn, nấm mốc, nấm men và xạ khuẩn cho nhiều cơ sở để ứng dụng trong nông nghiệp, công nghiệp để sản xuất các sản phẩm thương mại có giá trị cao như chế phẩm sinh học (biopreparat/probiotics), enzyme sử dụng trong chăn nuôi, mỹ phẩm và các chất kháng khuẩn.
- Nghiên cứu các hợp chất, chất hóa học: Các hợp chất hoặc chất hóa học do các cơ thể sống tạo ra được tìm thấy trong tự nhiên vẫn giữ vai trò quan trọng trong việc phát hiện ra những tiềm năng mới cho việc phát triển của các loại thuốc. Ví dụ, Viện Ung thư quốc gia Hoa Kỳ tìm ra hợp chất có tiềm năng điều trị HIV và một số bệnh ung thư từ các loài thu thập ở Vườn Quốc gia Cúc Phương.
- Công nghệ sinh học trong công nghiệp: Các enzyme được sử dụng trong các ngành công nghiệp dệt may, chất tẩy rửa, thực phẩm, thức ăn chăn nuôi và các ngành công nghiệp khác giúp nâng cao hiệu quả và chất lượng sản phẩm, quy trình sản xuất.
- Công nghệ sinh học trong nông nghiệp: Các ngành chọn tạo giống, khoa học cây trồng, bảo vệ thực vật và công nghệ sinh học thực vật phụ thuộc rất lớn vào NG. Các công ty cung cấp hạt giống lớn tập trung chủ yếu vào nghiên cứu các loại gen mang đặc tính cải thiện năng suất và hiệu suất canh tác của các giống cây trồng quan trọng. NG với những tính trạng giúp cải thiện năng suất và hiệu quả canh tác cho những cây trồng chính là lĩnh vực được nhiều công ty sản xuất giống lớn quan tâm. Các yêu cầu về ABS chỉ nên áp dụng cho những loài họ hàng hoang dại, giống truyền thống, giống địa phương và giống do người nông dân tạo ra mà không phải là các giống thương mại.

Các chủng nấm men được sử dụng để sinh ra các hoạt chất kích thích sinh trưởng IAA* và GA3** để sản xuất chế phẩm kích thích sinh trưởng và tăng năng suất cây trồng; sử dụng VSV đối kháng trong phòng trừ bệnh héo xanh ở một số loài cây như cây lạc, vừng...; nghiên cứu, phát triển và ứng dụng thành công các qui trình công nghệ sản xuất phân VSV cố định Nitơ, phân giải lân.

* , * * Plant Growth Hormone

3. Sử dụng nguồn gen

Nghị định 59 đã nội luật hóa một số khái niệm quy định tại Nghị định thư Nagoya:

- “*Sử dụng NG*” là các hoạt động nghiên cứu và phát triển có sử dụng các thành phần di truyền, hóa sinh và dẫn xuất của NG, bao gồm cả việc áp dụng công nghệ sinh học theo quy định tại Nghị định 59.
- “*Công nghệ sinh học*” là bất kỳ ứng dụng công nghệ nào có sử dụng các hệ thống sinh

học, cơ thể sống hoặc dẫn xuất của chúng để tạo ra, làm biến đổi sản phẩm hoặc các quá trình vì mục đích sử dụng cụ thể.¹⁵

- “*Dẫn xuất*” là một hợp chất hóa sinh được tạo ra một cách tự nhiên do hoạt động biểu hiện của gen hoặc quá trình trao đổi chất của các nguồn tài nguyên sinh học hoặc di truyền, ngay cả khi hợp chất hóa sinh này không chứa các đơn vị có chức năng di truyền.¹⁶

Do không được quy định tại Nghị định hay văn bản luật nào cụ thể, hoạt động nghiên cứu và phát triển (R&D) có nhiều cách hiểu khác nhau. Tuy nhiên, dưới góc độ tiếp cận của nước cung cấp nguồn gen, R&D bao gồm các công việc sáng tạo và có hệ thống nhằm gia tăng kho dự trữ kiến thức - bao gồm kiến thức về loài người, văn hóa và xã hội - và để tạo các ứng dụng mới ra các kiến thức có sẵn (OECD, 2015)

Việc sử dụng nguồn gen trong chuỗi giá trị

Khi việc sử dụng NG được xác định, R&D và công nghệ sinh học là yếu tố mấu chốt để xác định hoạt động sử dụng NG trong phạm vi ABS. Đây cũng là cơ sở để phân biệt các hoạt động liên quan đến đa dạng sinh học thuộc hay không thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định 59. Như đã nhấn mạnh với các ví dụ ở trên, cùng là thảo dược nhưng chúng có thể được sử dụng cho các mục đích khác nhau - có thể là các hoạt động có yếu tố nghiên cứu và phát triển mà phải tuân thủ các yêu cầu ABS. Nhưng nếu là

thương nhân thu thập NG để buôn bán lại cho bên thứ ba thì không được xem là hoạt động ABS vì không có yếu tố R&D và công nghệ sinh học. Tuy nhiên, nếu bên thứ ba đó mua cây thuốc để phục vụ cho R&D thì được xác định là hoạt động tiếp cận NG trong phạm vi ABS. Vì vậy, đây là việc sử dụng NG cần phải đáp ứng các yêu cầu ABS, do đó, cá nhân và tổ chức tham gia việc sử dụng này cần phải tuân thủ việc đăng ký tiếp cận NG và đề nghị cấp giấy phép tiếp cận NG. Theo đó, thuật ngữ “bên tiếp cận” trong Nghị định 59 có thể được hiểu tương tự như thuật ngữ “bên sử dụng”.

15. Khoản 4 Điều 3 Nghị định 59

16. Khoản 6 Điều 3 Nghị định 59

Hộp 3. Trường hợp ABS có sự tham gia của bên trung gian:

Trong quá trình sử dụng nguồn gen, các thương nhân hay bên trung gian thường tham gia vào chuỗi giá trị. Rất hiếm khi người nông dân trực tiếp cung cấp NG cho bên sử dụng để nghiên cứu và phát triển. Trên thực tế, các thương nhân hay các bên trung gian thường thu mua hoặc nuôi trồng các loài mà sau đó được sử dụng vì mục đích nghiên cứu và phát triển. Trong những trường hợp như vậy, bên sử dụng khó có thể ký hợp đồng ABS trực tiếp. Theo đó, một hợp đồng ABS ba bên được khuyến khích thực hiện, bao gồm Bên cung cấp, thương nhân/trung gian và Bên tiếp cận. Trong đó, các chủ thể, hoạt động có yếu tố trong phạm vi ABS vẫn chịu sự điều chỉnh của quy định pháp luật ABS như thông thường, còn các chủ thể, hoạt động yếu tố ngoài phạm vi ABS chỉ để tạo điều kiện cho hợp đồng được ký kết và thực hiện theo quy định pháp luật chung về dân sự.

Ví dụ: Công ty A hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp tại EU đang tìm kiếm và lựa chọn những hộ nông dân ở Việt Nam đáp ứng yêu cầu trồng và thu hái một loại lá cây theo tiêu chuẩn nông nghiệp hữu cơ của EU. Công ty sẽ trả tiền công chăm sóc và thu mua các loại lá này của các hộ nông dân đáp ứng đủ tiêu chuẩn. Lá thu được được phân loại, sơ chế để bán cho các công ty công nghệ sinh học thực hiện R&D chiết tách các hoạt chất phục vụ sản xuất mỹ phẩm. Hợp đồng cung cấp nguyên liệu giữa công ty A và công ty công nghệ sinh học ghi rõ các điều kiện phải đáp ứng và xác định rõ ràng việc buôn bán các loại lá trên là cho R&D. Trong trường hợp này, công ty công nghệ sinh học gặp khó khăn để ký hợp đồng trực tiếp với từng hộ nông dân (được xác định là nhà cung cấp nguồn gen theo Nghị định 59). Giải pháp là sự tham gia của công ty A để ký hợp đồng ABS với sự đồng thuận của các hộ nông dân và công ty công nghệ sinh học.

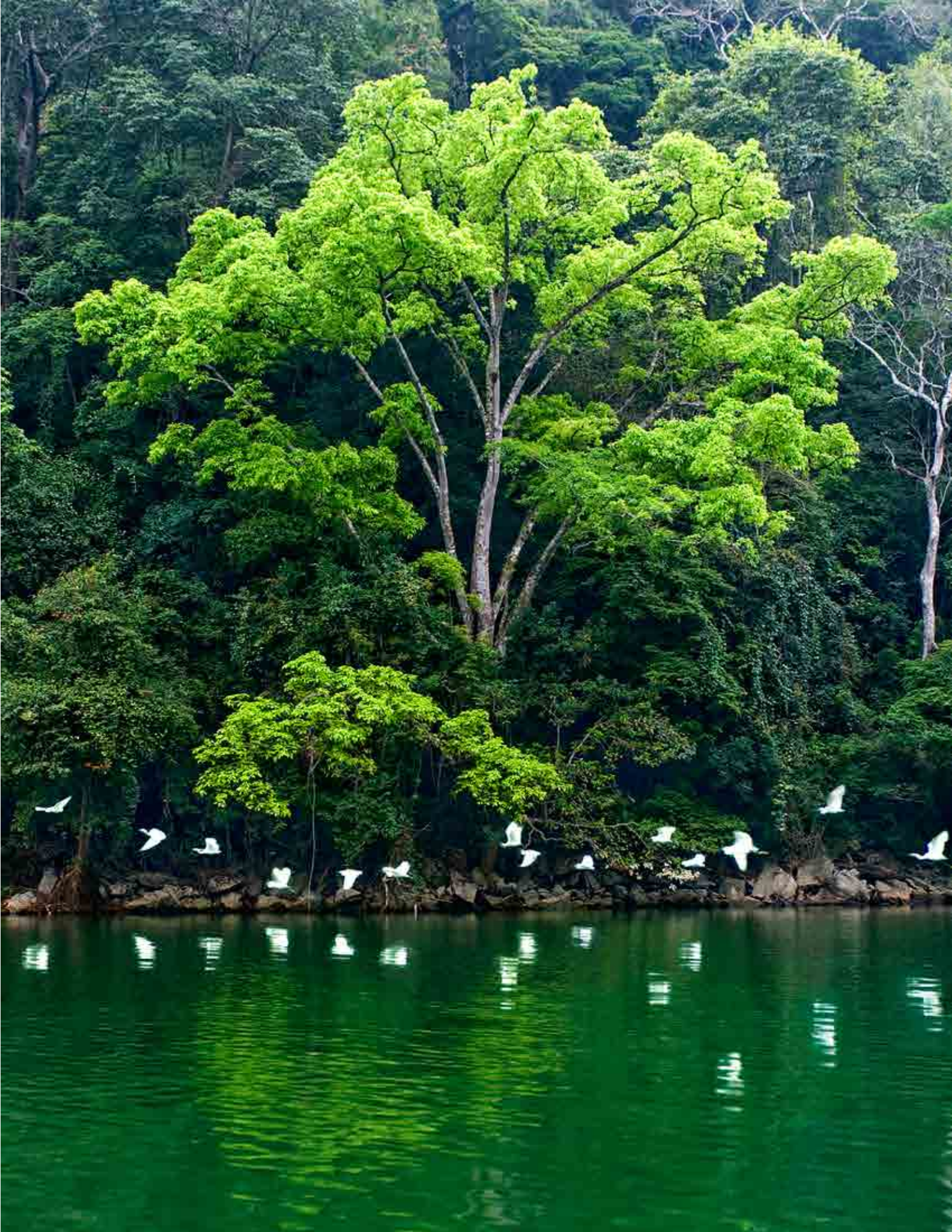


Hộp 4. Danh mục các hoạt động sử dụng NG thuộc phạm vi ABS phải thực hiện đăng ký và đề nghị cấp Giấy phép tiếp cận nguồn gen:

Căn cứ vào các khái niệm chung của Nghị định 59 nêu trên, đối chiếu với các hoạt động cụ thể trong thực tiễn, các hoạt động sử dụng NG thuộc phạm vi ABS phải thực hiện đăng ký và đề nghị cấp Giấy phép tiếp cận nguồn gen bao gồm các hoạt động sau:

- Thực hiện R&D trên hợp chất tự nhiên cụ thể, được tách biệt.
- Thực hiện nghiên cứu về quá trình tách xuất khác nhau liên quan đến chiết tách thực vật để dẫn đến các hợp chất tiềm năng khác nhau.
- Tạo giống thực vật, động vật có sử dụng công nghệ sinh học: tạo ra giống cây trồng và vật nuôi mới bằng công nghệ DNA tái tổ hợp, kỹ thuật di truyền, công nghệ tế bào.
- Bất kỳ quá trình công nghệ sinh học nào mà sử dụng các hệ thống sinh học, sinh vật sống hoặc các dẫn xuất nhằm tạo ra hoặc thay đổi các sản phẩm hoặc quy trình cụ thể cho một mục đích xác định (bao gồm cả việc tạo ra kháng sinh).
- Bất kỳ quá trình công nghệ sinh học nào mà sử dụng công nghệ enzymes và protein nhằm tạo ra sự chuyển đổi tự nhiên các hợp phần của dầu thực vật sang axit béo khác và để tách tế bào thực vật, cho phép chia tách hydrophilic và lipophilic từ kernels, lá, hạt...
- Sinh sản của côn trùng biến đổi gen để kiểm soát bệnh như sốt rét ...





CÁC CHỦ THỂ TRONG HOẠT ĐỘNG TIẾP CẬN NGUỒN GEN VÀ CHIA SẺ LỢI ÍCH

Phần này giải thích các chủ thể chính trong khuôn khổ ABS của Việt Nam, quyền và nghĩa vụ cụ thể của từng chủ thể này.

Từ thực tiễn hoạt động ABS và theo quy định của Nghị định 59, có thể chia làm các nhóm chủ thể sau:

1. Bên cung cấp

“*Bên cung cấp*” là tổ chức, cá nhân được nhà nước giao quản lý NG theo quy định tại khoản 2 Điều 55 Luật ĐDSH¹⁷, bao gồm:

- a) Ban quản lý khu bảo tồn, tổ chức được giao quản lý khu bảo tồn quản lý nguồn gen trong khu bảo tồn;
- b) Chủ cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học, cơ sở nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, cơ sở lưu giữ, bảo quản NG quản lý nguồn gen thuộc cơ sở của mình;
- c) Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân được giao quản lý, sử dụng đất, rừng, mặt nước quản lý nguồn gen thuộc phạm vi được giao quản lý, sử dụng;
- d) Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý nguồn gen trên địa bàn, trừ trường hợp quy định tại các điểm a, b và c khoản này.

Như vậy, đối với chủ thể là các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân thì căn cứ quan trọng để được xác định là “*Bên cung cấp*” NG chính là quyền sử dụng đất, rừng, mặt nước nơi có NG hay còn gọi là người sử dụng đất. Người sử dụng đất theo quy định của Luật đất đai, 2013 là người được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, công nhận quyền sử dụng đất, nhận chuyển quyền sử dụng đất¹⁸. Bằng chứng của người có quyền sử dụng đất là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được ban hành bởi cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc giấy tờ khác đủ điều kiện để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định tại Điều 100 của Luật Đất Đai, 2013 hoặc các bằng chứng khác để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định tại Điều 101, 102 của Luật Đất Đai, 2013.

Trong một số trường hợp, Bên cung cấp là quốc gia thì để xác định được Việt Nam có phải là nước “*cung cấp NG*” và NG đó thuộc phạm vi điều chỉnh của pháp luật ABS của Việt Nam.

2. Bên tiếp cận

“*Bên tiếp cận*” là tổ chức, cá nhân thực hiện các hoạt động tiếp cận để sử dụng NG thuộc chủ quyền của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt

Nam¹⁹. Thuật ngữ “*Bên tiếp cận*” có thể được hiểu như thuật ngữ về “*Bên sử dụng*” của Nghị định thư Nagoya.

17. Khoản 1 Điều 3 Nghị định 59

18. Điều 5 Luật Đất Đai, 2013

19. Khoản 2 Điều 3 Nghị định 59

Nghị định 59 phân biệt bên tiếp cận là tổ chức, cá nhân trong nước và tổ chức, cá nhân nước ngoài. Theo quy định của Luật Đầu tư (2014), tổ chức, cá nhân nước ngoài được xác định là: cá nhân có quốc tịch nước ngoài, tổ chức thành lập theo pháp luật nước ngoài²⁰. Tổ chức, cá nhân trong nước được xác định là: cá nhân có quốc tịch Việt Nam, tổ chức được thành lập theo pháp luật Việt Nam.

Bên tiếp cận có thể được biết đến như:

- Cơ sở/ Tổ chức nghiên cứu và trường đại học;
- Tổ chức nghiên cứu quốc tế;
- Công ty trong nước;
- Công ty nước ngoài;
- Sinh viên, nghiên cứu sinh.

3. Cơ quan quản lý nhà nước

Mặc dù không phải là một bên chủ thể trong Hợp đồng ABS, cũng không có vai trò trung gian trong mối quan hệ ABS nhưng cơ quan quản lý nhà nước là chủ thể đứng ra thực hiện quyền chủ quyền của nhà nước đối với NG, đóng vai trò quản lý NG để cấp phép tiếp cận NG, tiếp nhận lợi ích chia sẻ và giám sát việc tuân thủ các quy định về ABS.

Các cơ quan quản lý nhà nước bao gồm:

Cơ quan đầu mối quốc gia thực hiện Nghị định thư Nagoya²¹

Bộ Tài nguyên và Môi trường (TN&MT) được chỉ định là cơ quan đầu mối quốc gia thực hiện Nghị

Đề được phép tiếp cận NG, bên tiếp cận trước hết phải đăng ký tiếp cận NG, phải đàm phán nhằm đạt được thỏa thuận (được gọi Hợp đồng ABS, gọi tắt là MAT) về chia sẻ lợi ích có được một cách công bằng, và đề nghị được cấp Giấy phép tiếp cận NG từ cơ quan nhà nước có thẩm quyền để sử dụng NG. Bên tiếp cận có trách nhiệm chia sẻ với bên cung cấp những lợi ích có được từ NG.

Ở đây cần làm rõ, vai trò và vị trí của các thương nhân và chủ thể trung gian có hoạt động tiếp cận NG (điều tra, thu thập NG) nhưng là để bán đi cho người khác sử dụng cho R&D hoặc áp dụng công nghệ sinh học. Thương nhân và chủ thể trung gian đó không phải là bên tiếp cận NG theo quy định Nghị định 59, nên không phải đối tượng đứng đơn đăng ký và đề nghị cấp Giấy phép tiếp cận NG.

định thư Nagoya. Trách nhiệm của cơ quan đầu mối quốc gia thực hiện Nghị định thư Nagoya bao gồm:

- Thực hiện thống nhất quản lý hoạt động cấp, gia hạn và thu hồi Giấy phép tiếp cận NG;
- Làm đầu mối cung cấp, trao đổi thông tin với Ban thư ký Công ước ĐDSH thông qua Cổng trao đổi thông tin quốc tế về tiếp cận NG và chia sẻ lợi ích theo quy định của Nghị định thư Nagoya; chủ trì xây dựng Báo cáo quốc gia về việc thực hiện Nghị định thư Nagoya tại Việt Nam; kiến nghị, đề xuất việc thực hiện và tổ chức thực hiện theo phân công của Chính phủ các quyết định của Hội

20. Khoản 14 Điều 3 Luật Đầu tư, 2014

21. Điều 5 Nghị định 59

ngộ các bên tham gia Nghị định thư Nagoya; điều phối, tổ chức việc thực hiện các nghĩa vụ của quốc gia đối với Nghị định thư Nagoya;

- Phối hợp với các quốc gia khác trong việc thực hiện các biện pháp tuân thủ Nghị định thư Nagoya áp dụng đối với các NG của Việt Nam ở nước ngoài; tổ chức thực hiện các hoạt động hợp tác quốc tế song phương và đa phương về tiếp cận NG và chia sẻ lợi ích.

Cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp, gia hạn và thu hồi Giấy phép tiếp cận nguồn gen²²

Tại Điều 6 Nghị định 59, Chính phủ giao thẩm quyền cấp, gia hạn và thu hồi Giấy phép tiếp cận NG cho Bộ TN&MT và Bộ NN&PTNT, cụ thể:

- Bộ NN&PTNT cấp, gia hạn và thu hồi Giấy phép tiếp cận NG đối với NG của giống cây trồng, giống vật nuôi, giống thủy sản và giống cây lâm nghiệp.
- Bộ TN&MT cấp, gia hạn và thu hồi Giấy phép tiếp cận NG đối với các trường hợp không phải NG của giống cây trồng, giống vật nuôi, giống thủy sản và giống cây lâm nghiệp.

Để thuận tiện cho tổ chức, cá nhân khi xác định cơ quan nhà nước có thẩm quyền chịu trách nhiệm xử lý hồ sơ đăng ký và đề nghị cấp giấy phép tiếp cận NG, tổ chức, cá nhân cần căn cứ vào NG thuộc các danh mục đã được ban hành. Bộ NN&PTNT là cơ quan nhà nước có thẩm quyền tiếp nhận, thẩm định và cấp Giấy phép tiếp cận NG đối với NG thuộc các danh mục sau (Danh mục từ số 1 đến 6 dưới đây).

- (1) Danh mục giống cây trồng được phép sản xuất, kinh doanh;
- (2) Danh mục giống vật nuôi được phép sản xuất, kinh doanh;

- (3) Danh mục giống thủy sản được phép sản xuất, kinh doanh;
- (4) Danh mục giống cây lâm nghiệp được phép sản xuất, kinh doanh.
- (5) Danh mục giống vật nuôi quý hiếm cấm xuất khẩu;
- (6) Danh mục giống cây trồng quý hiếm cấm xuất khẩu.

Trong trường hợp NG thuộc danh mục tiếp cận sử dụng có điều kiện (Danh mục 7-12 dưới đây), tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đăng ký tiếp cận tại Bộ NN&PTNT đối với những NG đã được công nhận giống; các trường hợp còn lại nộp hồ sơ đăng ký tiếp cận NG tại Bộ TN&MT kèm theo “Văn bản chấp thuận” của các đơn vị chức năng có liên quan²³. Ví dụ, một công ty có nhu cầu tiếp cận sử dụng NG một loài thực vật trong khu bảo tồn thuộc quản lý của Tổng cục Lâm nghiệp (Bộ NN&PTNT) cho mục đích sử dụng cho nghiên cứu, sản xuất mỹ phẩm. Trong trường hợp này, công ty đó cần nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép tiếp cận NG tại Bộ TN&MT và kèm theo hồ sơ là văn bản chấp thuận của Tổng cục Lâm nghiệp.

- (7) Danh mục các loài thủy sản xuất khẩu có điều kiện, cấm xuất khẩu;
- (8) Danh mục NG cây trồng quý hiếm cần bảo tồn, hạn chế trao đổi quốc tế, trao đổi quốc tế trong trường hợp đặc biệt;
- (9) Danh mục NG vật nuôi quý hiếm cần bảo tồn;
- (10) Danh mục động vật rừng, thực vật rừng nguy cấp quý hiếm;
- (11) Danh mục loài nguy cấp quý hiếm được ưu tiên bảo vệ.
- (12) Danh mục thực vật và động vật hoang dã của Phụ lục Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp (CITES).

22. Điều 6 Nghị định 59

23. Trên thực tế, ngoài yêu cầu của Luật ĐDSH và Nghị định 59, nhiều hoạt động tiếp cận đối với một số nguồn gen (có hoặc không có yếu tố ABS) được điều chỉnh bởi các quy định pháp luật liên quan. Theo đó, các hoạt động tiếp cận này cần được sự chấp thuận của cơ quan quản lý chuyên ngành liên quan. Trong trường hợp tiếp cận nguồn gen có yếu tố ABS, bên tiếp cận phải bao gồm văn bản chấp thuận của các cơ quan quản lý chuyên ngành có liên quan theo quy định pháp luật khi nộp hồ sơ yêu cầu Giấy phép ABS cho cơ quan có thẩm quyền (Điều 12, Nghị định 59)

Bảng 1. Tổng hợp các trường hợp tiếp cận NG và cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý hồ sơ

Danh mục	Phân loại nguồn gen		Cơ quan cấp phép đối với hồ sơ đăng ký cấp Giấy phép tiếp cận NG	Cơ quan lấy ý kiến trước khi nộp hồ sơ đăng ký cấp Giấy phép tiếp cận NG (nếu cần theo quy định của pháp luật liên quan)
Nguồn gen thuộc danh mục 1-6	Tất cả nguồn gen		Bộ NN&PTNT	(lấy ý kiến nội bộ về hồ sơ đăng ký theo chức năng nhiệm vụ của các cơ quan chuyên ngành thuộc Bộ NN&PTNT)
Nguồn gen thuộc danh mục 7-11	NG đã được công nhận giống		Bộ NN&PTNT	
	NG còn lại chưa được công nhận giống	NG cây trồng	Bộ TN&MT	Cục Trồng trọt
		NG cây lâm nghiệp		Tổng cục Lâm nghiệp
		NG vật nuôi		Cục chăn nuôi
		NG thủy sản		Tổng cục Thủy sản
Động thực vật rừng	Tổng cục Lâm nghiệp			
Nguồn gen thuộc danh mục 12 (Phụ lục Công ước CITES)	NG hoang dã/ hoang dại		Bộ TN&MT	Cơ quan quản lý CITES
Các trường hợp còn lại	Tất cả nguồn gen		Bộ TN&MT	

Các bộ, ngành chịu trách nhiệm chính trong quản lý hoạt động ABS

- Bộ TN&MT:

Ngoài các trách nhiệm của cơ quan đầu mối quốc gia thực hiện Nghị định thư Nagoya, cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp, gia hạn và thu hồi Giấy phép tiếp cận NG, theo Nghị định 59, Bộ TN&MT còn chịu các trách nhiệm:

- + Xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về NG, tri thức truyền thống về nguồn gen, tiếp cận NG và chia sẻ lợi ích từ việc sử dụng NG;

- + Thiết lập và vận hành Cổng thông tin điện tử, hệ thống đăng ký, báo cáo qua mạng thông tin điện tử về NG, tiếp cận NG và chia sẻ lợi ích từ việc sử dụng NG;
- + Hướng dẫn chi tiết việc tiếp cận TTTT về NG;
- + Phối hợp với các bộ có liên quan hướng dẫn chia sẻ lợi ích từ việc sử dụng NG, TTTT về NG.

- *Bộ NN&PTNT:*

Ngoài trách nhiệm của cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp, gia hạn và thu hồi Giấy phép tiếp cận NG, Bộ NN&PTNT chịu trách nhiệm xây dựng cơ sở dữ liệu về NG thuộc phạm vi quản lý, có trách nhiệm cung cấp, trao đổi, chia sẻ thông tin, dữ liệu về NG với Bộ TN&MT.

- Ủy ban nhân dân (UBND) cấp xã có trách nhiệm:

- + Thực hiện việc xác nhận Hợp đồng ABS theo quy định của Nghị định này;
- + Giám sát việc thực hiện tiếp cận NG và các hoạt động có liên quan của tổ chức, cá nhân đã được cấp Giấy phép tiếp cận NG trên địa bàn quản lý;
- + Xử lý theo thẩm quyền hoặc báo cáo cơ quan có thẩm quyền về những trường hợp vi phạm Giấy phép tiếp cận NG hoặc Hợp đồng;
- + Báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoạt động tiếp cận NG và các hoạt động có liên quan của tổ chức, cá nhân đã được cấp Giấy phép tiếp cận NG trên địa bàn quản lý khi có yêu cầu bằng văn bản.

Như vậy, ngoài trách nhiệm là cơ quan nhà nước thực hiện xác nhận Hợp đồng ABS đã ký giữa các bên theo quy định tại Điều 11 Nghị định 59, UBND cấp xã trong một số trường hợp còn đóng vai trò là bên cung cấp NG đối với những NG tự nhiên thuộc địa bàn quản lý theo quy định tại Điều 55 Luật ĐDSH.

Trong trường hợp tiếp cận NG trong các vườn quốc gia, khu bảo tồn, các cơ sở bảo tồn ĐDSH hoặc các tổ chức phát triển khoa học và công nghệ mà có địa bàn trên nhiều xã khác nhau, thì hợp đồng ABS được xác nhận tại UBND cấp xã nơi đặt trụ sở chính của Ban quản lý vườn quốc gia, khu bảo tồn, các cơ sở bảo tồn ĐDSH hoặc các tổ chức phát triển khoa học và công nghệ đó.

Ví dụ: Trường hợp Công ty TNHH Sannam thu thập hai NG hoang dại là cây báng (*Ficus callosa* Willd.) và cây móng bò xanh (*Bauhinia viridescens* Desv.) tại xã Vân Hòa - vùng đệm của Vườn quốc gia Ba Vì (không phải là khu vực thuộc quản lý của Ban quản lý Vườn quốc gia) đem về để thuần hóa phát triển thành cây rau rừng đặc sản phục vụ chế biến bột rau dinh dưỡng và thương mại. Khi đó UBND xã Vân Hòa nơi có NG cây báng và cây móng bò xanh sẽ là bên cung cấp NG. Lúc này vai trò của UBND xã khác với trường hợp thu mẫu trong Vườn quốc gia (cần có Hợp đồng với Ban quản lý Vườn quốc gia và UBND xã sẽ xác nhận hợp đồng).



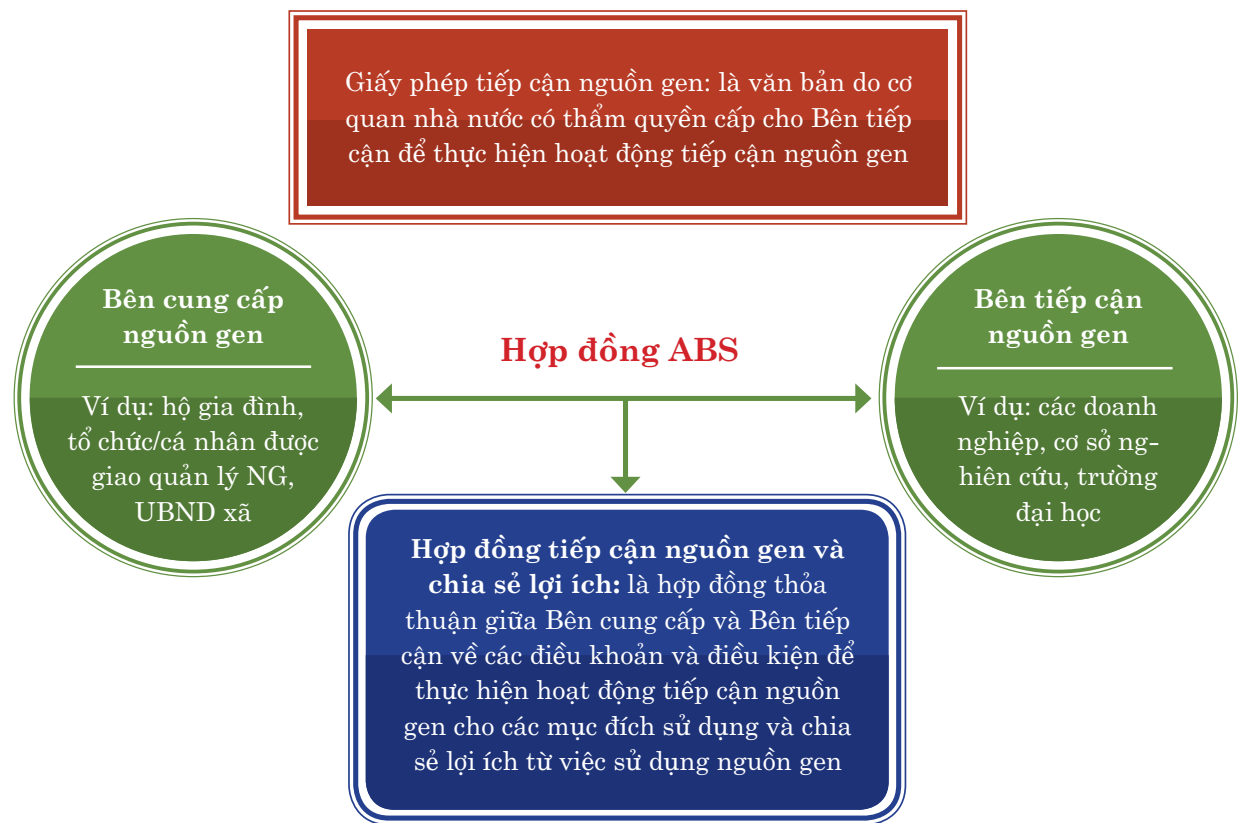
Nhìn chung, các bên tham gia trong hoạt động ABS được miêu tả trong hình dưới đây:



Hình 4. Sơ đồ các chủ thể tham gia ABS

YÊU CẦU VỀ TIẾP CẬN NGUỒN GEN VÀ CHIA SẺ LỢI ÍCH

Theo Luật ĐDSH và Nghị định 59, trước khi tiếp cận nguồn gen, Bên tiếp cận phải thỏa thuận và ký Hợp đồng tiếp cận NG và chia sẻ lợi ích với Bên cung cấp và đề nghị Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền Giấy phép tiếp cận NG. Mối liên hệ giữa các chủ thể và yêu cầu tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích được minh họa như trong hình dưới đây.



Hình 5. Mối liên hệ giữa các chủ thể và yêu cầu ABS

1. Yêu cầu chung để được cấp Giấy phép tiếp cận nguồn gen:

Để được cấp Giấy phép tiếp cận NG, tổ chức, cá nhân phải đáp ứng các yêu cầu sau:²⁴

- a) Đăng ký với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;
- b) Thỏa thuận và ký Hợp đồng ABS với Bên cung cấp;
- c) Đề nghị UBND cấp xã xác nhận Hợp đồng ABS;
- d) Nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép tiếp cận NG tới cơ quan nhà nước có thẩm quyền;
- đ) Cung cấp thông tin, tài liệu bổ sung; hoàn thiện hồ sơ khi có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong quá trình thẩm định hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép tiếp cận NG.

Lưu ý: Việc tiếp cận NG phải không thuộc trường hợp sau: việc sử dụng NG có nguy cơ gây hại đối với con người, môi trường, an ninh, quốc phòng và lợi ích quốc gia²⁵.

Trong trường hợp vì lợi ích quốc gia, lợi ích cộng đồng, cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép tiếp cận NG có quyền cấp phép tiếp cận nguồn gen mà không cần phải có sự đồng ý của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân được giao quản lý NG.

2. Các yêu cầu cụ thể đối với từng chủ thể khác nhau được Nghị định 59/2017/NĐ-CP quy định:

2.1. Yêu cầu đối với chủ thể trong nước tiếp cận nguồn gen vì mục đích thương mại, phát triển sản phẩm thương mại:

- Trường hợp là tổ chức phải có văn bản chứng minh tư cách pháp nhân theo quy định pháp luật.
- Trường hợp là cá nhân phải đáp ứng các yêu cầu sau:
 - + Có bằng cấp chuyên môn (từ đại học trở lên) về một trong các lĩnh vực: sinh học, công nghệ sinh học, dược học và khoa học nông nghiệp;
 - + Là thành viên của tổ chức khoa học và công nghệ đang hoạt động theo quy định pháp luật của quốc gia nơi tổ chức được thành lập trong các lĩnh vực sinh học, công nghệ sinh học, dược học, khoa học nông nghiệp và được tổ chức này bảo lãnh bằng văn bản theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 59.

Trong trường hợp chương trình, dự án, đề tài chung có sự tham gia của nhiều cá nhân, tổ chức mà tất cả hay nhiều cá nhân, tổ chức cùng muốn có tên ở đơn đăng ký và trên giấy phép, thì có thể đồng đứng đơn. Nếu có cá nhân, tổ chức không muốn đứng tên ở đơn đăng ký và trên giấy phép thì có thể làm giấy ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện làm thủ tục. Giấy ủy quyền này phải được nộp kèm theo trong hồ sơ đăng ký tiếp cận và đề nghị cấp giấy phép.

Lưu ý: đối với tổ chức, cá nhân Việt Nam tiếp cận NG không vì mục đích thương mại không phải thực hiện bất kỳ thủ tục ABS nào cho đến khi họ thay đổi mục đích sử dụng (chẳng hạn: chuyển từ mục đích phi thương mại sang mục đích thương mại hoặc phát triển sản phẩm; chuyển giao kết quả nghiên cứu cho bên thứ ba,...)

24. Điều 8 Nghị định 59

25. Khoản 4 Điều 59 Luật ĐDSH

Tuy nhiên, ở đây cần làm rõ một số trường hợp dễ gây nhầm lẫn:

- Các tổ chức khoa học và công nghệ, trường đại học chủ yếu hoạt động nghiên cứu phi thương mại, nhưng vẫn có các hoạt động nghiên cứu vì mục đích thương mại, phát triển sản phẩm thương mại.
- Các công ty thực hiện R&D hay công nghệ sinh học thường hay vì mục đích thương mại, phát triển sản phẩm thương mại, vẫn có thể có các hoạt động nghiên cứu khoa học thuần túy, phi thương mại.

Việc xác định mục đích thương mại, phát triển sản phẩm thương mại cần căn cứ vào hoạt động cụ thể (tham khảo Hình 3 ở trên).



2.2. Yêu cầu đối với chủ thể tiếp cận nước ngoài cho bất kỳ mục đích nào²⁶

	Tổ chức	Cá nhân
Yêu cầu hợp tác	Phải có văn bản chứng minh tư cách pháp nhân theo quy định pháp luật của quốc gia nơi tổ chức được thành lập	Có bằng cấp chuyên môn (từ đại học trở lên) về một trong các lĩnh vực: sinh học, công nghệ sinh học, dược học và khoa học nông nghiệp; Là thành viên của tổ chức khoa học và công nghệ đang hoạt động theo quy định pháp luật của quốc gia nơi tổ chức được thành lập trong các lĩnh vực sinh học, công nghệ sinh học, dược học, khoa học nông nghiệp và được tổ chức này bảo lãnh bằng văn bản theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 59.
Yêu cầu hợp tác	Văn bản hợp tác với tổ chức khoa học và công nghệ Việt Nam	Văn bản hợp tác với tổ chức khoa học và công nghệ Việt Nam

Đối với tổ chức, cá nhân nước ngoài muốn tiếp cận NG ở Việt Nam, điều kiện bắt buộc là phải có hợp tác với tổ chức khoa học và công nghệ Việt Nam. Tổ chức khoa học và công nghệ Việt Nam ở đây được xác định theo Luật Khoa học và Công nghệ chứ không phải là tổ chức bất kỳ. Tổ chức khoa học và công nghệ là tổ chức có chức năng

chủ yếu là nghiên cứu khoa học, nghiên cứu triển khai và phát triển công nghệ, hoạt động dịch vụ khoa học và công nghệ, được thành lập và đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật²⁷.

26. Khoản 11 Điều 3 Luật Khoa học và Công nghệ 2013

27. Điều 58 Luật ĐDSH; Điều 10 Nghị định 59

Trường hợp chương trình dự án có sự tham gia của nhiều bên

Trong trường hợp chương trình, dự án, đề tài chung có sự tham gia của cả cá nhân, tổ chức trong nước và cá nhân, tổ chức nước ngoài, các chủ thể nước ngoài có thể trực tiếp hoặc ủy quyền cho tổ chức cá nhân trong nước cùng tham gia hợp tác để thực hiện đăng ký tiếp cận NG theo quy định.

Trong trường hợp chương trình, dự án, đề tài chung có sự tham gia của nhiều cá nhân, tổ chức mà tất cả hay nhiều cá nhân, tổ chức cùng muốn có tên ở đơn đăng ký và trên giấy phép, thì có thể đồng đứng đơn. Nếu có cá nhân, tổ chức không muốn đứng tên ở đơn đăng ký và trên giấy phép thì có thể làm giấy ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện làm thủ tục. Giấy ủy quyền này phải được trình trong hồ sơ đăng ký tiếp cận và đề nghị cấp giấy phép.

3. Yêu cầu đối với Hợp đồng tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích

Đây là cơ sở cho việc ban hành Giấy phép tiếp cận NG, không giấy phép nào được cấp, khi không có Hợp đồng ABS. Hợp đồng ABS phục vụ cho cả mục đích đồng thuận thông báo trước của phía bên cung cấp và là điều khoản thỏa thuận giữa các bên về chia sẻ lợi ích.

Các yêu cầu đối với Hợp đồng ABS²⁸:

Các nội dung hợp đồng ABS được cụ thể tại Mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 59 để cho các bên áp dụng²⁹.

Theo đó, các yêu cầu căn bản đối với Hợp đồng ABS phải được đáp ứng, bao gồm:

- Hợp đồng ABS phải bằng văn bản và ký kết giữa bên tiếp cận NG với bên cung cấp NG sau khi nhận được văn bản xác nhận đăng ký tiếp cận NG của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
- Hợp đồng ABS phải có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thực hiện việc tiếp cận NG hoặc nơi đăng ký trụ sở chính của bên cung cấp nguồn gen.
- Hợp đồng ABS phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- + Mục đích tiếp cận NG;
- + NG được tiếp cận và khối lượng thu thập;
- + Địa điểm tiếp cận NG;
- + Kế hoạch tiếp cận NG;
- + Việc chuyển giao cho bên thứ ba kết quả điều tra, thu thập NG;
- + Hoạt động nghiên cứu phát triển và sản xuất sản phẩm thương mại từ NG;
- + Các bên tham gia nghiên cứu phát triển và sản xuất sản phẩm thương mại từ NG;
- + Địa điểm tiến hành nghiên cứu phát triển và sản xuất sản phẩm thương mại từ NG;
- + Chia sẻ lợi ích thu được với Nhà nước và các bên có liên quan, bao gồm cả việc phân chia quyền sở hữu trí tuệ đối với kết quả sáng tạo trên cơ sở tiếp cận NG và bản quyền TTTT về NG.

Các tranh chấp, khiếu nại liên quan đến việc tiếp cận NG và chia sẻ lợi ích từ việc sử dụng NG được giải quyết theo quy định của pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

28. Điều 58 Luật ĐDSH; Điều 10 Nghị định 59

29. Điều 15 Nghị định 59

30. Điều 18 Nghị định 59

Lưu ý:

- Hợp đồng ABS chỉ có hiệu lực sau khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy phép tiếp cận NG.
- Khi Giấy phép tiếp cận NG hết thời hạn hiệu lực thì Bên tiếp cận không được tiếp cận NG kể từ thời điểm Giấy phép tiếp cận NG hết thời hạn hiệu lực; tuy nhiên, các điều, khoản của Hợp đồng về chia sẻ lợi ích tiếp tục có hiệu lực.
- Khi Giấy phép tiếp cận NG bị thu hồi³⁰, thì tổ chức, cá nhân đã được cấp Giấy phép tiếp cận NG không được tiếp tục tiếp cận, sử dụng NG đã được cấp phép, phải tiếp tục thực hiện các thỏa thuận về chia sẻ lợi ích đối với NG đã tiếp cận theo quy định tại Hợp đồng đã ký; phải bồi thường thiệt hại và phục hồi môi trường, ĐDSH theo quy định của pháp luật Việt Nam (nếu có).

Ví dụ 1:	Tóm tắt về trường hợp	
<p>Công ty A tiến hành R&D trong lĩnh vực hóa mỹ phẩm, chăm sóc sắc đẹp và sức khỏe. Mục đích của công ty A là sau khi tiến hành R&D thành công, công ty cung cấp nguyên liệu và công thức (ingredient and formula) cho các hãng sản xuất mỹ phẩm lớn ở châu Âu.</p> <p>Để thực hiện nghiên cứu, Công ty A dự kiến tiếp nhận các nguyên liệu thực vật như lá, quả từ một công ty B chuyên về cung cấp sản phẩm nông nghiệp của Việt Nam.</p> <p>Công ty B trực tiếp ký hợp đồng với các trang trại, hộ nông dân từ nhiều tỉnh thành của Việt Nam để tiến hành canh tác các loại cây trên, với các yêu cầu nghiêm ngặt về nhân công, kỹ thuật, canh tác, sản phẩm được tuyển chọn để gửi sang công ty A phải đáp ứng theo tiêu chuẩn của EU.</p> <p>Công ty A mong muốn thực hiện thủ tục ABS và có được chứng nhận tuân thủ quốc tế về ABS cho các nguyên liệu từ Việt Nam.</p>	Bên sử dụng	Công ty
	Mục đích sử dụng	Nghiên cứu vì mục đích thương mại
	Đối tác trong nước (là tổ chức KHCN)	Không
	Bên cung cấp	Các hộ nông dân
	TTTT	Không
	Cộng đồng địa phương, bản địa	Không
	Địa điểm tiếp cận	Tại các vườn hộ gia đình

Giải đáp:

Trong trường hợp trên, công ty B là đối tác trung gian thương mại, không phải là đối tác trong nước (tổ chức KHCN) theo quy định tại Nghị định. Do vậy, để đăng ký và được cấp Giấy phép tiếp cận NG, Chứng nhận tuân thủ quốc tế, Công ty A cần thực hiện các bước sau:

- Xác định một bên đối tác trong nước là tổ chức KHCN trong nước và có văn bản hợp tác giữa 02 bên;
- Đăng ký tiếp cận NG (theo Mẫu 2 - Nghị định 59);
- Thỏa thuận và ký kết Hợp đồng ABS (theo Mẫu 3 - Nghị định 59) với các hộ gia đình nêu trên;
- Lấy xác nhận của UBND xã/phường trên hợp đồng ABS đã ký;
- Gửi hồ sơ theo Điều 12 Nghị định về Cơ quan nhà nước có thẩm quyền (Bộ TNMT hoặc Bộ NN-PTNT tùy theo NG tiếp cận - Điều 6 Nghị định 59) để xử lý.
- 15 ngày sau khi cấp Giấy phép tiếp cận NG, Bộ TNMT sẽ công bố thông tin cấu thành chứng chỉ tuân thủ quốc tế trên Trung tâm trao đổi thông tin về ABS của Công ước ĐDSH.

Ví dụ 2:	Tóm tắt về trường hợp	
<p>Công ty SapaNapro là công ty cộng đồng. Công ty được khởi nguồn từ một dự án tài trợ của nước ngoài từ năm 2006 với số vốn ban đầu 60 triệu đồng và sự góp công của Đại học Dược Hà Nội, Đại học Nông nghiệp Hà Nội (nay là Học viện Nông nghiệp Việt Nam) và Trung tâm cây thuốc và y học cổ truyền.</p> <p>Sản phẩm chính của Công ty là các loại thuốc tẩm của người Dao Đỏ. Hiện nay, số cổ đông Công ty là 102 hộ gia đình, cũng chính là những Bên cung cấp nguyên vật liệu. Mỗi hộ gia đình có 3-5 ha rừng, cung cấp nguyên liệu quay vòng, các hộ gia đình cũng có vườn nhỏ để trồng thêm cây thuốc.</p> <p>Lợi ích thu được là từ nguồn nhập thuốc vào Công ty, được chia cổ tức hàng năm cho các cổ đông. Các lao động hưởng lương từ 3-5 triệu đồng/tháng. Một phần lợi nhuận từ Công ty được trích nộp cho quỹ phát triển của địa phương khoảng 60 triệu đồng/tháng).</p> <p>Bên cạnh đó, công ty có đội ngũ cố vấn từ 02-03 bà mẹ nắm giữ những bài thuốc tẩm tốt nhất và tư vấn cung cấp cho công ty và mỗi tháng Công ty hỗ trợ 2 triệu đồng/tháng cho 01 bà mẹ.</p>	Bên sử dụng	Công ty
	Mục đích sử dụng	Thương mại hóa
	Đối tác trong nước (là tổ chức KHCN)	Có
	Bên cung cấp	Các hộ gia đình
	TTTT	Có
	Cộng đồng địa phương, bản địa	Có
	Địa điểm tiếp cận	Tại các vườn hộ gia đình

Giải đáp:

Quy định tại Nghị định 59 hiện nay chưa hướng dẫn về thủ tục đăng ký tiếp cận và chia sẻ lợi ích từ việc sử dụng TTTT về NG như nêu trong ví dụ. Tuy nhiên, căn cứ trên nguyên tắc về tiếp cận và chia sẻ hợp lý, công bằng lợi ích từ việc sử dụng TTTT về NG, thì đây là một mô hình tốt, bền vững, trong đó lợi ích các bên đều được đảm bảo.

CƠ CHẾ TRAO ĐỔI THÔNG TIN

Nghị định 59 quy định Bộ TN&MT có trách nhiệm thiết lập và vận hành Cổng thông tin điện tử, hệ thống đăng ký, báo cáo qua mạng thông tin điện tử về NG, tiếp cận NG và chia sẻ lợi ích từ việc sử dụng NG.

Đồng thời, với vai trò là cơ quan đầu mối quốc gia, Bộ TN&MT thực hiện làm đầu mối cung cấp, trao đổi thông tin với Ban thư ký Công ước ĐDSH thông qua Cổng trao đổi thông tin quốc tế về tiếp cận NG và chia sẻ lợi ích theo quy định của Nghị định thư Nagoya; chủ trì xây dựng Báo cáo quốc gia về việc thực hiện Nghị định thư Nagoya tại Việt Nam; kiến nghị, đề xuất việc thực hiện và tổ chức thực hiện theo phân công của Chính phủ các quyết định của Hội nghị các bên tham gia Nghị định thư Nagoya; điều phối, tổ chức việc thực hiện các nghĩa vụ của quốc gia đối với Nghị định thư Nagoya.

Trong vòng 15 ngày, kể từ khi Giấy phép tiếp cận NG được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp, gia hạn hoặc thu hồi, Bộ TN&MT có trách nhiệm đăng tải để công bố, hủy Chứng nhận tuân thủ quốc tế về tiếp cận NG và chia sẻ lợi ích và các vấn đề liên quan trên Cổng trao đổi thông tin quốc tế về tiếp cận NG và chia sẻ lợi ích của Ban thư ký Công ước ĐDSH theo quy định tại Nghị định thư Nagoya³¹.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày ra văn bản hoặc quyết định về việc xác nhận đăng ký tiếp cận NG, cấp, gia hạn hoặc thu hồi Giấy phép tiếp cận NG, Bộ NN&PTNT có trách nhiệm gửi 01 bản chính của các văn bản, quyết định này đến Bộ TN&MT để cập nhật vào cơ sở dữ liệu quốc gia.

Ngoài khía cạnh bắt buộc phải tuân thủ pháp luật đặt ra đối với bên tiếp cận NG thì bên tiếp cận NG (những công ty lớn) hiện nay đều

tự nguyện nâng cao việc thực hiện thương mại sinh học có đạo đức (ethical biotrade). Thương mại sinh học có đạo đức không chỉ xuất phát từ ý thức tự trọng, đạo đức của những người làm khoa học, nghiên cứu, của thương nhân muốn có trách nhiệm đối với bảo tồn ĐDSH mà còn là yêu cầu của người tiêu dùng đối với các thương hiệu lớn. Người tiêu dùng ở các nước phát triển hiện nay không chỉ quan tâm tới chất lượng, mẫu mã, giá cả sản phẩm mà còn quan tâm, đòi hỏi những nhà sản xuất, cung cấp phải đảm bảo có các biện pháp bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên ĐDSH. Nhiều người tiêu dùng chỉ chấp nhận những sản phẩm “xanh”, “sạch” thân thiện với môi trường, tự nhiên, sản phẩm có thể truy xuất nguồn gốc và có xu hướng tẩy chay những sản phẩm từ “thương mại sinh học không có đạo đức”. Lựa chọn theo quy luật thị trường, để tiêu thụ sản phẩm, nâng cao hình ảnh thương hiệu công ty trong mắt người tiêu dùng, các công ty lớn đều muốn tuân thủ pháp luật của nước cung cấp NG và có bằng chứng cho sự tuân thủ đó là giấy phép tiếp cận NG và được hợp thức thành Chứng nhận tuân thủ quốc tế qua quá trình cung cấp thông tin của cơ quan đầu mối quốc gia với Ban thư ký CBD thông qua Trung tâm trao đổi thông tin về ABS (ABS Clearing House).



31. Điều 2 Nghị định 59

Chứng nhận tuân thủ quốc tế về ABS là bằng chứng quan trọng của việc tuân thủ yêu cầu của Nghị định thư Nagoya và CBD đối với bên tiếp cận NG. Theo định nghĩa tại khoản 5 Điều 3 Nghị định 59/2017/NĐ-CP: Chứng nhận tuân thủ quốc tế về tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích là bản thông tin điện tử có các thông tin cơ bản của Giấy phép tiếp cận NG và Hợp đồng tiếp cận NG và chia sẻ lợi ích do Cơ quan đầu mối quốc gia đăng tải trên Cổng trao đổi thông tin quốc tế về ABS của Ban thư ký Công ước Đa dạng sinh học. Hiện nay, ở phần lớn các nước phát triển (là các nước sử dụng NG) đều đã có các quy định pháp luật nghiêm ngặt hoặc khuyến cáo bên tiếp cận NG của nước mình phải tuân thủ quy định pháp luật về tiếp cận NG của nước cung cấp NG, ví dụ như Quy chế EU số 511/2014 của Nghị viện và Hội đồng Châu Âu về các biện pháp tuân thủ cho bên tiếp cận theo Nghị định thư Nagoya trong phạm vi Liên minh Châu Âu được thông qua ngày 16 tháng 4 năm 2016³². Theo đó, nếu không tuân thủ các quy định của Quy chế thì sẽ có các hình phạt được áp dụng³³.



32. Regulation (EU) No 511/2014 of the European Parliament and of the Council on compliance measures for users from the Nagoya Protocol on Access to Genetic Resources and the Fair and Equitable Sharing of Benefits Arising from their Utilization in the Union was adopted on 16 April 2014:

33. Điều 11 Quy chế EU số 511/2014:
<http://eur-lex.europa.eu/legal-content/EN/TXT/HTML/?uri=CELEX:32014R0511&from=EN>

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC TIẾP CẬN NGUỒN GEN

Trình tự, thủ tục các bước tiếp cận nguồn gen bao gồm:

1. Đăng ký tiếp cận NG với cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
2. Thỏa thuận và ký Hợp đồng ABS với Bên cung cấp.
3. Đề nghị UBND cấp xã xác nhận Hợp đồng ABS.
4. Nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép tiếp cận NG tới cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
5. Thực hiện giấy phép tiếp cận NG, chia sẻ lợi ích

Các bước thực hiện cùng với các yêu cầu thông tin cần cung cấp, người thực hiện và thời gian tiến hành, xác định mốc thời điểm, kết quả được thể hiện trong Bảng 2 dưới đây.

Đối với hồ sơ đăng ký trực tuyến tại Bộ TN-MT, tổ chức, cá nhân có thể nộp hồ sơ thông qua Cổng dịch vụ công trực tuyến tại địa chỉ:

<https://dvctt.monre.gov.vn/Pages/Default.aspx> với các bước thực hiện cơ bản sau:

1. Tạo tài khoản trên trang Dịch vụ công trực tuyến;
2. Xác nhận tài khoản sẽ được gửi muộn nhất 24h từ khi đăng ký;
3. Lựa chọn thủ tục theo mục đích tiếp cận (Cấp Giấy phép tiếp cận NG, Đưa NG ra nước ngoài, hoặc Gia hạn Giấy phép tiếp cận NG);
4. Điền các thông tin theo đơn và nộp hồ sơ;
5. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền tiếp nhận, xử lý hồ sơ và trả kết quả thông qua địa chỉ thư điện tử được đăng ký. Trường hợp cần cung cấp bổ sung thông tin hoặc làm rõ, tổ chức, cá nhân sẽ nhận được thông báo từ Cơ quan xử lý hồ sơ.

Các bước thực hiện	Yêu cầu thông tin tài liệu	Chủ thể liên quan, thực hiện	Thời hạn	Lưu ý
Bước 1. Đăng ký (Điều 9, Nghị định 59)	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn đăng ký tiếp cận NG theo Mẫu số 02 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 59; - Văn bản chứng minh tư cách pháp nhân theo quy định pháp luật của quốc gia nơi tổ chức được thành lập; - Văn bản hợp tác với tổ chức khoa học và công nghệ Việt Nam đối với tổ chức, cá nhân nước ngoài; - Văn bản ủy quyền cho tổ chức, cá nhân đại diện để thực hiện đăng ký tiếp cận NG Đối với việc đăng ký tiếp cận NG thuộc chương trình, dự án, đề tài chung có sự tham gia của nhiều tổ chức, cá nhân 	Cơ quan nhà nước có thẩm quyền: <ol style="list-style-type: none"> 1. Bộ NN&PTNT cấp, gia hạn và thu hồi Giấy phép tiếp cận NG đối với NG của giống cây trồng, giống vật nuôi, giống thủy sản và giống cây lâm nghiệp. 2. Bộ TN&MT cấp, gia hạn và thu hồi Giấy phép tiếp cận NG đối với các trường hợp không thuộc quy định tại khoản 1 nêu trên. 	10 ngày	Hồ sơ có thể được nộp: <ul style="list-style-type: none"> - Trực tiếp tại trụ sở của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; - Gửi qua đường bưu điện; - Đăng ký điện tử: <ul style="list-style-type: none"> + Bộ TN&MT: Cổng dịch vụ công trực tuyến tại địa chỉ: https://dvctt.monre.gov.vn + Bộ NN&PTNT: Cổng dịch vụ công trực tuyến tại địa chỉ https://dvc.mard.gov.vn

Các bước thực hiện	Yêu cầu thông tin tài liệu	Chủ thể liên quan, thực hiện	Thời hạn	Lưu ý
Bước 2. Thỏa thuận và ký kết hợp đồng ABS	Thực hiện yêu cầu theo mẫu số 03. Hợp đồng ABS mẫu tại Phụ lục của Nghị định	Bên tiếp cận và Bên cung cấp	12 tháng, tính từ ngày văn bản xác nhận đăng ký tiếp cận NG được phát hành (khoản 2 Điều 12)	<p>Thời hạn về tiếp cận NG của hợp đồng phụ thuộc vào thời hạn của giấy phép- Thời hạn của Giấy phép tiếp cận NG được xác định căn cứ vào mục tiêu, kế hoạch tiếp cận NG tại hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép tiếp cận NG nhưng tối đa không quá 03 năm.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp Giấy phép tiếp cận NG hết hạn, các bên căn cứ vào nhu cầu tiếp cận để đăng ký gia hạn Giấy phép. - Các trường hợp không có nhu cầu tiếp tục tiếp cận, không cần đăng ký gia hạn Giấy phép. Bên tiếp cận vẫn có thể sử dụng NG đã thu thập, và tuân thủ các quy định về chia sẻ lợi ích của Hợp đồng đã được ký kết.
Bước 3. Đề nghị UBND cấp xã xác nhận Hợp đồng ABS (Điều 11, Nghị định 59)	<ul style="list-style-type: none"> a) Bản sao văn bản xác nhận đăng ký tiếp cận NG được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp; b) Hợp đồng ABS đã ký giữa các bên liên quan; c) Xuất trình bản chính một trong các giấy tờ tùy thân 	Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có NG ngoài tự nhiên hoặc nơi đăng ký trụ sở của Bên cung cấp	3 ngày làm việc	

Các bước thực hiện	Yêu cầu thông tin tài liệu	Chủ thể liên quan, thực hiện	Thời hạn	Lưu ý
Bước 4. Đề nghị cấp Giấy phép tiếp cận NG <i>(Điều 12, 13, 14, 16, 17 và 18, Nghị định 59)</i>	<p>Hồ sơ gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện, bao gồm:</p> <p>a) Bản sao văn bản xác nhận đăng ký tiếp cận NG đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp;</p> <p>b) Hợp đồng ký giữa các bên liên quan đã được UBND cấp xã xác nhận;</p> <p>c) Văn bản chấp thuận của bộ quản lý ngành, lĩnh vực theo quy định của pháp luật đối với trường hợp tiếp cận NG thuộc danh mục NG tiếp cận, sử dụng có điều kiện;</p> <p>d) Tài liệu theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị định này đối với trường hợp cá nhân nộp hồ sơ đề nghị</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan nhà nước có thẩm quyền nhận hồ sơ - Hội đồng thẩm định hồ sơ gồm đại diện của Bộ TN&MT, Bộ NN&PTNT, các bộ ngành liên quan, UBND cấp tỉnh nơi NG được tiếp cận. 	<ul style="list-style-type: none"> - Chấp nhận hồ sơ: 5 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ. - Bổ sung hoàn thiện hồ sơ: 60 ngày làm việc - Thẩm định hồ sơ: <ul style="list-style-type: none"> + 30 ngày làm việc đối với hồ sơ không vì mục đích thương mại; + 90 ngày đối với hồ sơ vì mục đích thương mại - Quyết định cấp giấy phép: 15 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả thẩm định 	<ul style="list-style-type: none"> - Gia hạn Giấy phép tiếp cận NG được thực hiện 2 tháng trước khi giấy phép hết hiệu lực. <p>Hồ sơ yêu cầu gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Biểu mẫu số 5; + Báo cáo hoạt động đến thời điểm đề nghị gia hạn; + Bản sao hợp đồng ABS đã ký; + Bản sao Giấy phép tiếp cận NG đã cấp; + Văn bản chấp thuận của Bên cung cấp. <p>Thời hạn xem xét gia hạn: 30 ngày làm việc.</p> <ul style="list-style-type: none"> - 15 ngày làm việc kể từ ngày ban hành Giấy phép tiếp cận NG, Bộ TN&MT thông báo tới Ban thư ký Công ước ĐDSH thông qua Cổng trao đổi thông tin quốc tế về ABS để công bố chứng nhận tuân thủ quốc tế.
Bước 5. Thực hiện hợp đồng ABS, giấy phép tiếp cận NG <i>(Điều 21, 22, 23 và 25, Nghị định 59)</i>	<p>Báo cáo kết quả việc thực hiện tiếp cận NG và chia sẻ lợi ích</p>	Bên tiếp cận	2 năm 1 lần	Thực hiện chia sẻ lợi ích theo hợp đồng ABS,

Quy định về thẩm định và cấp Giấy phép tiếp cận nguồn gen³⁴

Nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho việc nghiên cứu cứu khoa học, đối với hồ sơ đề nghị tiếp cận NG để nghiên cứu không vì mục đích thương mại, cơ quan nhà nước có thẩm quyền tổ chức thẩm định hồ sơ trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị hợp lệ mà không phải thành lập Hội đồng thẩm định.

Đối với hồ sơ đề nghị tiếp cận NG để nghiên cứu vì mục đích thương mại, phát triển sản phẩm thương mại, cơ quan nhà nước có thẩm quyền thành lập Hội đồng thẩm định hồ sơ trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị hợp lệ.

Nội dung thẩm định:

- a) Việc đáp ứng các điều kiện, nội dung quy định tại Điều 59 Luật ĐDSH;
- b) Tính đầy đủ và chính xác của thông tin trong hồ sơ đề nghị;
- c) Sự phù hợp của nội dung Hợp đồng ABS với quy định hiện hành theo pháp luật;
- d) Việc đánh giá tác động về tiếp cận NG đối với ĐDSH, kinh tế và xã hội;
- đ) Năng lực thực hiện việc tiếp cận NG và chia sẻ lợi ích của tổ chức, cá nhân.

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày có kết quả thẩm định, Thủ trưởng cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét, quyết định cấp Giấy phép tiếp cận NG. Trường hợp từ chối cấp Giấy phép tiếp cận NG, cơ quan nhà nước có thẩm quyền thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân đăng ký; đồng thời nêu rõ lý do³⁵.

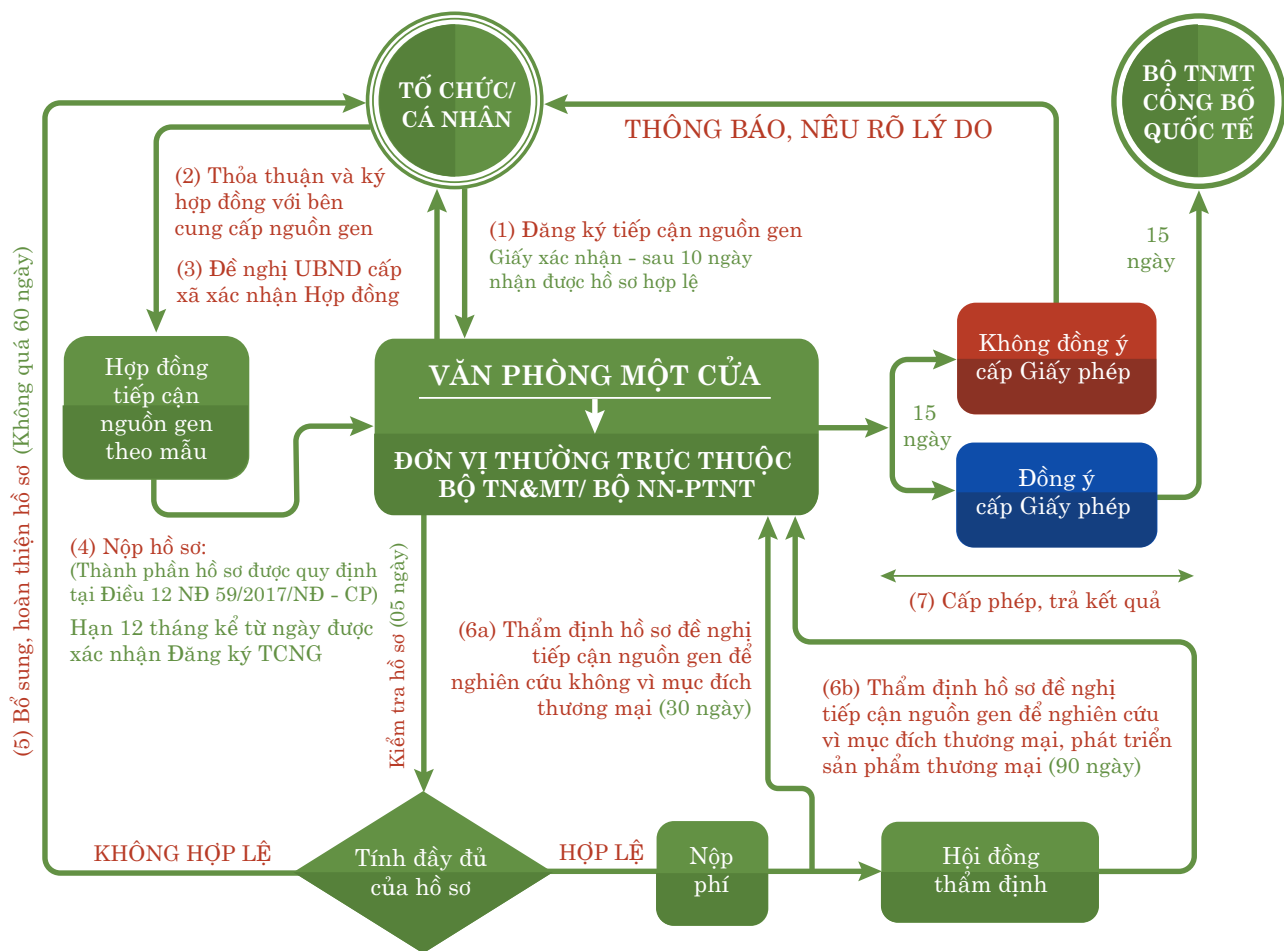
Bộ trưởng Bộ TN&MT, Bộ trưởng Bộ NN&PTNT quy định về tổ chức và hoạt động của Hội đồng thẩm định, chỉ định đơn vị trực thuộc làm cơ quan thường trực thẩm định và quy định cụ thể về nhiệm vụ của cơ quan này³⁶.



34. Điều 13 Nghị định 59.

35. Ngày 17 tháng 10 năm 2017, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã ban hành Quyết định số 2518/QĐ-BTNMT về việc công bố thủ tục hành chính trong lĩnh vực môi trường thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường đối với các quy định tại Nghị định số 59. Trong đó có nêu rõ trình tự, cách thức thực hiện; thành phần hồ sơ; đối tượng và cơ quan thực hiện thủ tục hành chính và các yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính.

36. Ngày 08 tháng 8 năm 2017, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã ban hành Quyết định số 1913/QĐ-BTNMT về việc chỉ định cơ quan thường trực thẩm định về quản lý tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích từ việc sử dụng nguồn gen. Tại Quyết định này, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã chỉ định Tổng cục Môi trường là cơ quan thường trực thẩm định về quản lý tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích từ việc sử dụng nguồn gen.



- Thời gian xử lý hồ sơ đề nghị tiếp cận nguồn gen để nghiên cứu không vì mục đích thương mại (tính từ khi nhận đủ hồ sơ đăng ký hợp lệ) là 65 ngày.
- Thời gian xử lý hồ sơ đề nghị tiếp cận nguồn gen để nghiên cứu vì mục đích thương mại, phát triển sản phẩm thương mại (tính từ khi nhận đủ hồ sơ đăng ký hợp lệ) là 125 ngày.

Hình 6. Sơ đồ cấp giấy phép tiếp cận nguồn gen

TRƯỜNG HỢP ĐẶC BIỆT

Phần này giải thích các trường hợp áp dụng các quy định hoặc xem xét đặc biệt với các quá trình và yêu cầu đặc thù cụ thể.

1. Yêu cầu và trình tự đối với trường hợp được quy định bởi Điều 8 của Nghị định thư Nagoya

Nghị định 59 không có quy định riêng đối với tất cả các trường hợp tại Điều 8 của Nghị định thư Nagoya. Tuy nhiên, với quy định về thời hạn 30 ngày cho thẩm định hồ sơ đề nghị tiếp cận NG không vì mục đích thương mại so với thời hạn 90

ngày cho hồ sơ vì mục đích thương mại, đây chính là biện pháp đơn giản hóa cho việc tiếp cận NG không vì mục đích thương mại, tạo điều kiện để thúc đẩy và khuyến khích nghiên cứu theo như quy định tại điều 8.a, 8.b Nghị định thư Nagoya.

2. Yêu cầu và trình tự đối với các trường hợp thuộc chương trình thương mại sinh học bền vững

BioTrade (thương mại sinh học bền vững) được định nghĩa là các hoạt động thu thập, sản xuất, chuyển đổi và thương mại hóa các sản phẩm, dịch vụ có nguồn gốc từ ĐDSH bản địa phù hợp với tiêu chí bền vững về môi trường, xã hội và kinh tế.³⁷

Tất cả các hoạt động BioTrade được xác định vì mục đích thương mại nhưng có đáp ứng các tiêu chí về môi trường, và đóng góp cho bảo tồn và sử dụng bền vững ĐDSH, một phần quy định

của Điều 8.a Nghị định thư Nagoya. Khi được chứng nhận là hoạt động của dự án BioTrade thì hoạt động đó đã phải áp dụng và thỏa mãn các nguyên tắc về chia sẻ công bằng lợi ích, tuân thủ các quy định quốc gia và quốc tế về quyền tiếp cận NG theo các tiêu chí của UNCTAD³⁷. Do vậy, cần nhắc tính chất đặc trưng của các hoạt động của BioTrade, Cơ quan nhà nước có thẩm quyền có thể xem xét để có biện pháp đơn giản hóa hoặc rút ngắn thời gian thẩm định, đánh giá các hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép tiếp cận NG.

Trường hợp giả định áp dụng quy định đặc biệt:

Một công ty dược phẩm chuyên về cung cấp nguồn nguyên liệu, trực tiếp canh tác sản xuất các loại dược liệu cổ truyền như chè dây, atisô, đinh lăng,... và phát triển các sản phẩm thương mại trên thị trường có nguồn gốc từ các thành phần tự nhiên ... Công ty thực hiện chiến lược phát triển bền vững tập trung vào việc lồng ghép các trách nhiệm xã hội, bảo vệ môi trường với hiệu quả kinh tế.

Công ty trở thành thành viên của Liên minh Thương mại sinh học có đạo đức (UEBT) năm 2014. Là thành viên của UEBT, Công ty cam kết thực hiện các Nguyên tắc và tiêu chí của Thương mại sinh học bền vững để đảm bảo rằng giá cả trả cho người sản xuất

37. UNCTAD (2007) Sáng kiến Thương mại Sinh học: Nguyên tắc và Tiêu chuẩn

nguyên liệu và hệ thống phát triển đóng góp cho sự phát triển của địa phương và xây dựng năng lực. Công ty đã xây dựng cơ chế để đối thoại trực tiếp với các nhóm thu thập NG, hỗ trợ cơ cấu tổ chức, đào tạo kỹ thuật và xây dựng năng lực. Công ty đã có thỏa thuận tại chỗ với cả các nhóm thu thập NG và chính quyền địa phương với việc dẫn chiếu đến thực hành có đạo đức. Công ty cũng đã làm việc với UEBT để được đào tạo các khái niệm và yêu cầu về tiếp cận NG và chia sẻ công bằng, hợp lý lợi ích từ sử dụng nguồn gen.

Như vậy, công ty là đối tượng phải thực hiện đăng ký và đề nghị cấp phép ABS theo Nghị định 59, đồng thời đã áp dụng và đáp ứng được các nguyên tắc và tiêu chí của Thương mại sinh học bền vững. Cơ quan có thẩm quyền có thể xem xét, rút ngắn thời gian thẩm định trong trường hợp này.

3. Yêu cầu và trình tự đối với học sinh, sinh viên, nghiên cứu sinh, tổ chức khoa học và công nghệ Việt Nam đưa nguồn gen ra nước ngoài

Nghị định 59 có quy định riêng đối với học sinh, sinh viên, nghiên cứu sinh, tổ chức khoa học và công nghệ Việt Nam đưa NG ra nước ngoài như sau:³⁸

*) Đối với học sinh, sinh viên, nghiên cứu sinh Việt Nam có nhu cầu đưa NG ra nước ngoài phục vụ học tập phải nộp hồ sơ tới cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo một trong các cách sau: nộp trực tiếp tại trụ sở của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; gửi qua đường bưu điện hoặc đăng ký điện tử. Hồ sơ bao gồm:

- Đơn đề nghị đưa NG ra nước ngoài phục vụ học tập theo Mẫu số 08 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 59;
- Xuất trình bản chính, hoặc bản sao có chứng thực một trong các giấy tờ là hộ chiếu, chứng minh nhân dân, thẻ căn cước công dân hoặc giấy tờ khác có dán ảnh và thông tin cá nhân do cơ quan có thẩm quyền cấp, còn giá trị sử dụng (sau đây gọi là giấy tờ tùy thân) để chứng minh về nhân thân của học sinh, sinh viên, nghiên cứu sinh;

- Giấy giới thiệu của tổ chức khoa học và công nghệ hoặc cơ sở đào tạo ở nước ngoài mà học sinh, sinh viên, nghiên cứu sinh Việt Nam học tập bao gồm các thông tin cơ bản về học sinh, sinh viên, nghiên cứu sinh đề nghị đưa NG ra nước ngoài và việc sử dụng NG phục vụ học tập.

*) Đối với tổ chức khoa học và công nghệ Việt Nam có nhu cầu đưa NG ra nước ngoài để tiến hành nghiên cứu, phân tích, đánh giá không vì mục đích thương mại nộp hồ sơ tới cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 6 Nghị định 59 theo một trong các cách sau: nộp trực tiếp tại trụ sở của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; gửi qua đường bưu điện hoặc đăng ký điện tử. Hồ sơ bao gồm:

- Văn bản đề nghị đưa NG ra nước ngoài phục vụ nghiên cứu không vì mục đích thương mại theo Mẫu số 08 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;
- Văn bản chứng minh tư cách pháp nhân của tổ chức khoa học và công nghệ;

38. Điều 20 Nghị định 59

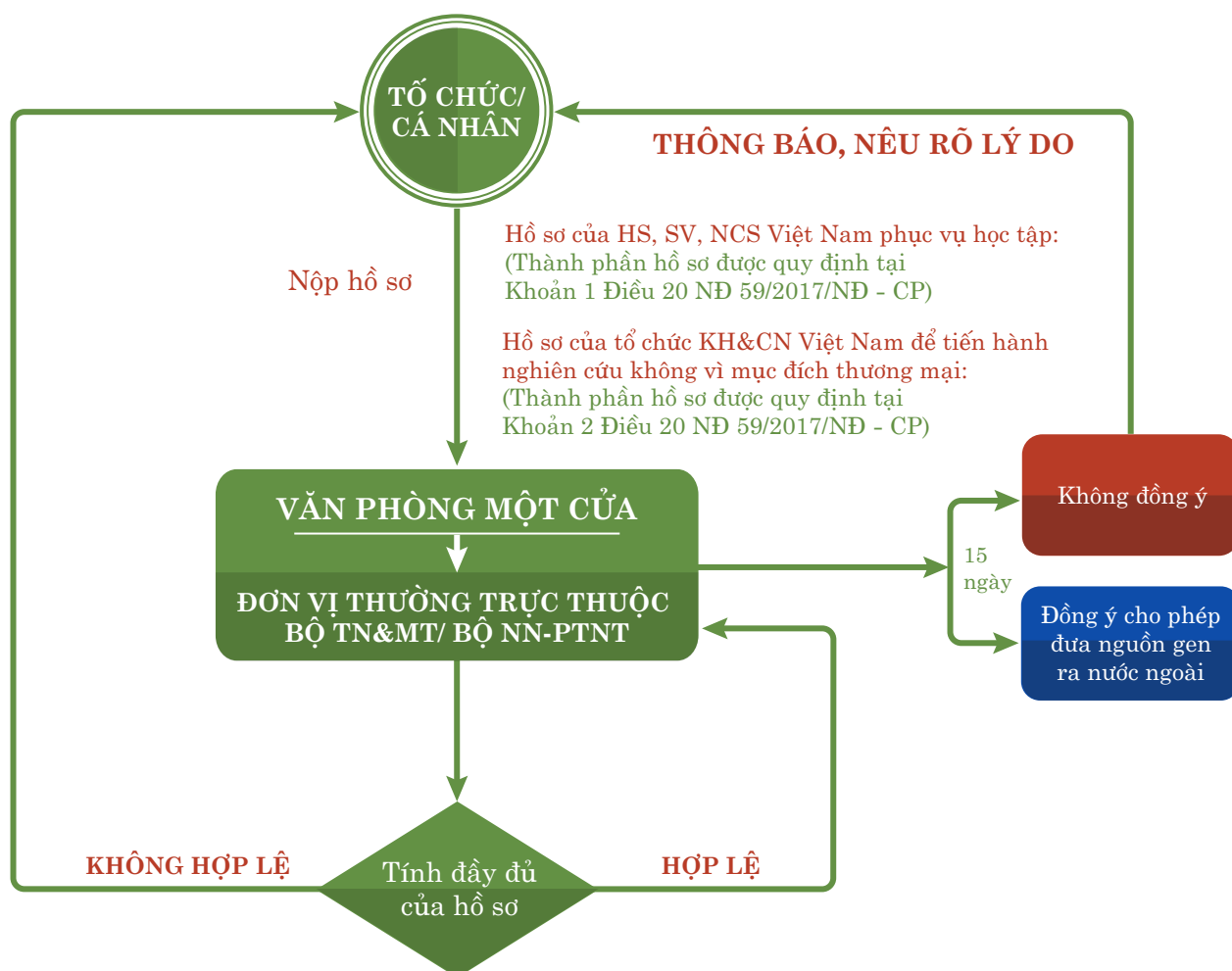
- Văn bản đồng ý tiếp nhận NG của tổ chức nước ngoài theo đề nghị của tổ chức khoa học và công nghệ Việt Nam;
- Chương trình, đề tài, dự án, nhiệm vụ đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt có liên quan đến NG đề nghị đưa ra nước ngoài.

Đối với NG đề nghị đưa ra nước ngoài thuộc danh mục NG tiếp cận, sử dụng có điều kiện, tổ chức, cá nhân phải gửi kèm theo ý kiến bằng văn bản của Bộ quản lý ngành, lĩnh vực theo quy định của pháp luật.

Về trình tự thủ tục³⁹, hồ sơ đề nghị được xem xét trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Thủ trưởng cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét, quyết định cho phép đưa NG ra nước ngoài phục vụ học tập, nghiên cứu không vì mục đích thương mại theo Mẫu số 09 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 59. Trường hợp từ chối, cơ quan nhà nước có thẩm quyền thông báo bằng văn bản cho đối tượng đăng ký, đồng thời nêu rõ lý do.



39. Ngày 17 tháng 10 năm 2017, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã ban hành Quyết định số 2518/QĐ-BTNMT về việc công bố thủ tục hành chính trong lĩnh vực môi trường thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường đối với các quy định tại Nghị định số 59. Trong đó có nêu rõ trình tự, cách thức thực hiện; thành phần hồ sơ; đối tượng và cơ quan thực hiện thủ tục hành chính và các yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính.



Thời gian xử lý hồ sơ tính từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ là 15 ngày.

Hình 7. Trình tự đăng ký cấp phép mang nguồn gen ra nước ngoài phục vụ học tập, nghiên cứu không vì mục đích thương mại

(Đối với học sinh, sinh viên, nghiên cứu sinh, tổ chức khoa học và công nghệ Việt Nam)

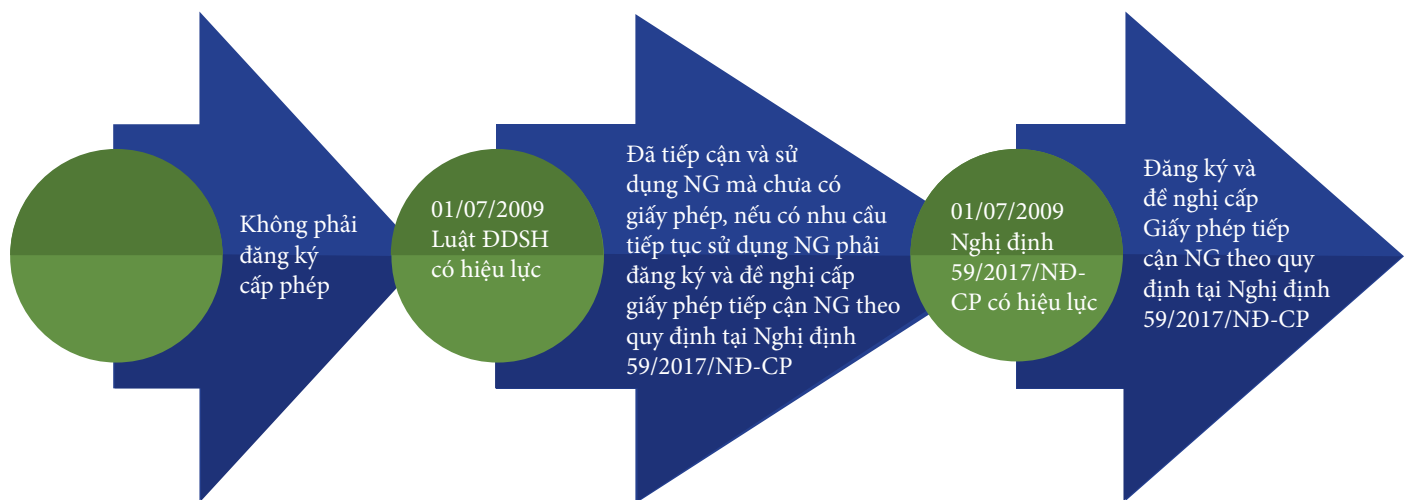
4. Yêu cầu và trình tự quy định đối với nguồn gen được tiếp cận sau 2009

Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép tiếp cận NG được gửi đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành được xem xét, thẩm định theo quy định tại Nghị định số 65.

UBND cấp tỉnh có trách nhiệm chuyển giao hồ sơ của các trường hợp đã được cấp phép tiếp cận NG cho Bộ TN&MT trước ngày 31 tháng 12 năm 2017 để quản lý.

Tổ chức, cá nhân có nhu cầu tiếp tục sử dụng NG đã tiếp cận từ ngày 01 tháng 7 năm 2009 đến trước ngày Nghị định 59 có hiệu lực thi hành mà chưa được cấp Giấy phép tiếp cận NG phải thực hiện việc đăng ký và đề nghị cấp Giấy phép tiếp cận NG theo quy định tại Nghị định 59⁴⁰.

Giải thích phạm vi điều chỉnh theo thời gian đối với các hoạt động tiếp cận NG tại Việt Nam (theo Điều 27 Nghị định 59):



40. Điều 27 Nghị định 59

QUY ĐỊNH VỀ GIẤY PHÉP TIẾP CẬN NGUỒN GEN

Phần này giải thích về nội dung và thực hiện Giấy phép tiếp cận nguồn gen, bao gồm yêu cầu về nội dung Giấy phép, quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân được cấp Giấy phép, về thời hạn hiệu lực của Giấy phép, thu hồi, gia hạn giấy phép, điều kiện thay đổi, chuyển giao cho bên thứ ba, quyền sở hữu trí tuệ và nghĩa vụ thông tin và báo cáo.

1. Yêu cầu đối với Giấy phép tiếp cận nguồn gen

Nội dung Giấy phép tiếp cận NG được lập theo Mẫu số 04 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 59.⁴¹

Thời hạn của Giấy phép tiếp cận NG được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác định căn cứ vào mục tiêu, kế hoạch tiếp cận NG tại hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép tiếp cận NG nhưng tối đa không quá 03 năm.



2. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân được cấp Giấy phép tiếp cận nguồn gen⁴²

a) Tổ chức, cá nhân được cấp Giấy phép tiếp cận nguồn gen có các quyền sau đây:

- Điều tra, thu thập nguồn gen và các hoạt động khác theo quy định của Giấy phép tiếp cận nguồn gen;
- Đưa nguồn gen không thuộc Danh mục NG bị cấm, hạn chế xuất khẩu ra nước ngoài theo quy định của pháp luật;
- Kinh doanh sản phẩm sản xuất từ nguồn gen được phép tiếp cận;
- Quyền khác theo quy định của Giấy phép tiếp cận nguồn gen, Hợp đồng tiếp cận NG và chia sẻ lợi ích.

b) Tổ chức, cá nhân được cấp Giấy phép tiếp cận nguồn gen có các nghĩa vụ sau đây:

- Tuân thủ các quy định của Giấy phép tiếp cận nguồn gen;

- Báo cáo bằng văn bản với cơ quan nhà nước có thẩm quyền đã cấp phép về: Hoạt động trong thời gian tiếp cận NG ghi tại Giấy phép tiếp cận NG; Định kỳ 02 năm một lần, báo cáo về tình hình, kết quả NG; Báo cáo đột xuất khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu;
- Chia sẻ lợi ích thu được với các bên liên quan, bao gồm cả việc phân chia quyền sở hữu trí tuệ đối với kết quả sáng tạo trên cơ sở tiếp cận nguồn gen và bản quyền TTTT về NG;
- Nghĩa vụ khác theo quy định của Giấy phép tiếp cận nguồn gen, Hợp đồng tiếp cận NG và chia sẻ lợi ích.

Tổ chức, cá nhân có trách nhiệm nộp phí thẩm định khi nộp hồ sơ đề nghị cấp, gia hạn Giấy phép tiếp cận NG theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí.⁴³

41. Điều 16 Nghị định 59

42. Điều 60 Luật ĐDSH

43. Điều 19 Nghị định 59

3. Nghĩa vụ chia sẻ lợi ích của tổ chức, cá nhân được cấp Giấy phép tiếp cận nguồn gen

Nghị định 59 quy định lợi ích bằng tiền và lợi ích không bằng tiền; theo đó các bên tham gia hợp đồng ABS sẽ tự thỏa thuận và lựa chọn những loại lợi ích nào được chia sẻ. Tuy nhiên, Nghị định 59 cũng thiết lập một số yêu cầu tối thiểu về chia sẻ lợi ích áp dụng đối với lợi ích bằng tiền và lợi ích không bằng tiền.

a) Đối với lợi ích bằng tiền, Nghị định 59 quy định tỷ lệ chia sẻ lợi ích bằng tiền đối với sản phẩm được tạo ra từ quá trình sử dụng NG không thấp hơn 1% tổng doanh thu hàng năm của sản phẩm đó. Nghị định 59 đã dẫn chiếu đến kết quả của các hoạt động nghiên cứu và phát triển được thực hiện bởi Bên sử dụng thông qua sản phẩm, hơn là sản phẩm tiêu thụ cuối cùng (xem ví dụ minh họa dưới đây). Tỷ lệ chia sẻ lợi ích bằng tiền thu được từ việc chuyển giao NG, dẫn xuất của NG; sử dụng quyền sở hữu trí tuệ đối với kết quả sáng tạo từ việc sử dụng NG phải đảm bảo cho Bên cung cấp không thấp hơn 2% tổng giá trị chuyển giao hoặc tổng tiền thu được từ việc sử dụng quyền sở hữu trí tuệ.⁴⁴

Nghị định 59 chỉ quy định tỷ lệ chia sẻ lợi ích tối thiểu từ Bên tiếp cận, còn các bên có thể chủ động, tự đàm phán và thỏa thuận về chi tiết tỷ lệ chia sẻ lợi ích, thời gian, giai đoạn chia sẻ, hình thức lợi ích chia sẻ... khi ký Hợp đồng ABS.

Cần lưu ý rằng “tổng doanh thu hàng năm của sản phẩm đó” có nghĩa là doanh thu của Bên tiếp cận có được từ việc bán sản phẩm có sử dụng NG tiếp cận đã được cấp phép.

Ví dụ:

Công ty A được cấp giấy phép để tiếp cận NG, tiến hành nghiên cứu và phát triển thành phần của thuốc trừ sâu tự nhiên. Công ty X sản xuất các thành phần đó. Sản phẩm ở đây là thành phần của thuốc trừ sâu tự nhiên của công ty A. Doanh thu ở đây là doanh thu của Công ty A bán thành phần đó cho công ty X, và công ty A chịu trách nhiệm chi trả/chia sẻ lợi ích ít nhất là 1% tổng doanh thu từ việc bán thành phần đó. Nếu công ty A bán thành phần không chỉ cho công ty X mà cho nhiều công ty từ X1 đến X10 hay Xn trên toàn thế giới thì doanh thu bán hàng hàng năm sẽ được xác định trên toàn thế giới. Nếu công ty A chuyển NG được cấp phép cho công ty X là bên thứ ba với việc chuyển giao tất cả các quyền và nghĩa vụ cho công ty X thì phải áp dụng tỷ lệ tối thiểu 2% giá trị chuyển nhượng hoặc từ doanh thu cho việc sử dụng quyền sở hữu trí tuệ đó. Công ty A không còn quyền đối với NG được cấp phép.

Trong một ví dụ khác:

Công ty B cần tiếp cận và sử dụng ít nhất 05 NG khác nhau để tạo ra 01 sản phẩm được thương mại trên thị trường. Như vậy, trong quá trình thiết lập các hợp đồng ABS, Công ty B cần thương thảo và ký hợp đồng với tất cả các bên cung cấp của 05 NG nêu trên trong cùng một hợp đồng hoặc trên các bản hợp đồng khác nhau, để đảm bảo làm sao tổng lợi ích tiền tệ được chia sẻ đối với tất cả các bên cung cấp không thấp hơn 1% doanh thu của sản phẩm đó.

44. Điều 22 Nghị định 59

Tổng lợi ích bằng tiền thu được sẽ được chia sẻ như sau:

- Nếu Bên cung cấp là UBND cấp xã, Ban quản lý khu bảo tồn, Chủ cơ sở lưu giữ, bảo quản NG thuộc nhà nước quản lý, cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học, cơ sở nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được nhà nước giao quản lý được chia sẻ 30% lợi ích bằng tiền theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 22 Nghị định 59; 70% lợi ích bằng tiền thu được còn lại nộp vào ngân sách nhà nước để sử dụng cho hoạt động bảo tồn và sử dụng bền vững ĐDSH;
- Nếu Bên cung cấp là tổ chức, hộ gia đình, cá nhân được giao quản lý NG được chia sẻ 50% lợi ích bằng tiền được quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 22 Nghị định 59; 50% lợi ích bằng tiền thu được còn lại nộp vào ngân sách nhà nước để sử dụng cho hoạt động bảo tồn và sử dụng bền vững ĐDSH.

4. Gia hạn Giấy phép tiếp cận nguồn gen

Giấy phép tiếp cận NG có thể được gia hạn nhiều lần, thời hạn mỗi lần gia hạn tối đa là 03 năm.⁴⁵

Về thủ tục gia hạn: 02 tháng trước khi Giấy phép tiếp cận NG hết thời hạn hiệu lực, tổ chức, cá nhân có nhu cầu tiếp tục hoạt động tiếp cận NG phải nộp hồ sơ đề nghị gia hạn Giấy phép tiếp cận NG (sau đây gọi là hồ sơ đề nghị gia hạn) tới cơ quan nhà nước có thẩm quyền đã cấp phép theo một trong các cách sau: nộp trực tiếp tại trụ sở của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc gửi qua đường bưu điện.

Hồ sơ đề nghị gia hạn, bao gồm:

- Đơn đề nghị gia hạn Giấy phép tiếp cận NG theo Mẫu số 05 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 59;
- Báo cáo tình hình thực hiện tiếp cận và sử dụng NG đến thời điểm đề nghị gia hạn theo phạm vi hoạt động tại Giấy phép tiếp cận NG

b) Đối với lợi ích không bằng tiền, việc chia sẻ lợi ích không bằng tiền phát sinh từ hoạt động sử dụng NG do các bên thỏa thuận và được ghi nhận tại Hợp đồng ABS. Nếu hợp đồng ABS có thể chỉ có các khoản lợi ích phi tiền tệ, nhưng những khoản lợi ích phi tiền tệ này nên được chuyển đổi thành một số tiền nhất định để đáp ứng yêu cầu tỷ lệ tối thiểu không thấp hơn 1% hoặc 2% như đã nêu ở trên

Các đối tượng được chia sẻ lợi ích không bằng tiền, bao gồm: Bên cung cấp, đối tác trong nước của Bên tiếp cận là tổ chức nước ngoài và các tổ chức, cá nhân liên quan khác.

Khi công bố các kết quả nghiên cứu khoa học hoặc đăng ký xác lập quyền sở hữu trí tuệ đối với kết quả sáng tạo từ sử dụng NG, các tổ chức, cá nhân phải ghi rõ nguồn gốc, xuất xứ của NG đã tiếp cận.

đã được cấp và nội dung Hợp đồng đã ký giữa các bên;

- Bản sao Giấy phép tiếp cận NG đã được cấp;
- Bản sao Hợp đồng ABS đã ký giữa Bên tiếp cận và Bên cung cấp;
- Văn bản của Bên cung cấp chấp thuận về việc tiếp tục thực hiện các hoạt động tiếp cận NG giữa hai bên.

Về thủ tục phê duyệt việc gia hạn: trong thời hạn chậm nhất 30 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị gia hạn hợp lệ của tổ chức, cá nhân, cơ quan nhà nước có thẩm quyền đã cấp phép có trách nhiệm xem xét gia hạn Giấy phép tiếp cận NG. Quyết định gia hạn được lập theo Mẫu số 06 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 59.

Tổ chức, cá nhân đề nghị gia hạn Giấy phép tiếp cận NG có trách nhiệm nộp phí gia hạn theo quy định.

45. Điều 17 Nghị định 59

5. Thu hồi Giấy phép tiếp cận nguồn gen⁴⁶

Giấy phép tiếp cận NG bị thu hồi khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền phát hiện một trong các trường hợp sau:

- Tổ chức, cá nhân đã cung cấp thông tin giả mạo để được cấp Giấy phép tiếp cận NG;
- Hoạt động tiếp cận và sử dụng NG gây hại con người, môi trường, an ninh, quốc phòng và lợi ích quốc gia của Việt Nam;
- Tiến hành hoạt động tiếp cận và sử dụng NG ngoài phạm vi được cấp phép;
- Các trường hợp vi phạm khác theo quy định của pháp luật.

Chậm nhất trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được thông tin về hành vi vi phạm hoặc khiếu nại về Giấy phép tiếp cận NG, cơ quan nhà nước có thẩm quyền đã cấp phép phải hoàn

thành việc xử lý hồ sơ để ra quyết định về việc thu hồi Giấy phép tiếp cận NG đã cấp. Quyết định thu hồi Giấy phép tiếp cận NG được lập theo Mẫu số 07 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 59.

Kể từ ngày có quyết định thu hồi Giấy phép tiếp cận NG, tổ chức, cá nhân có Giấy phép tiếp cận NG bị thu hồi, phải thực hiện các yêu cầu sau:

- Không được tiếp tục tiếp cận, sử dụng NG đã được cấp phép;
- Phải tiếp tục thực hiện các thỏa thuận về chia sẻ lợi ích đối với NG đã tiếp cận theo quy định tại Hợp đồng ABS đã ký;
- Phải bồi thường thiệt hại và phục hồi môi trường, ĐDSH theo quy định của pháp luật Việt Nam (nếu có).

6. Điều kiện thay đổi, chuyển giao cho bên thứ ba, quyền sở hữu trí tuệ và nghĩa vụ⁴⁷

a) Tổ chức, cá nhân đã được cấp Giấy phép tiếp cận NG chỉ được sử dụng NG cho các mục đích đã đăng ký; khi có nhu cầu thay đổi mục đích tiếp cận, phải thực hiện các thủ tục về đăng ký tiếp cận và đề nghị cấp giấy phép tiếp cận để được cấp mới Giấy phép tiếp cận NG.

b) Tổ chức, cá nhân khi đã được Giấy phép tiếp cận NG được chuyển giao NG, dẫn xuất của NG đã được cấp Giấy phép tiếp cận NG cho bên thứ ba. Yêu cầu đối với việc chuyển giao như sau:

- Trường hợp chuyển giao NG, dẫn xuất của NG không làm thay đổi mục đích sử dụng đã được quy định tại Giấy phép tiếp cận NG, tổ chức, cá nhân chuyển giao phải thông báo bằng văn bản đến cơ quan đã cấp Giấy phép tiếp cận NG;

- Trường hợp chuyển giao NG, dẫn xuất của NG kèm theo việc thay đổi mục đích sử dụng đã được quy định tại Giấy phép tiếp cận NG, bên thứ ba phải thỏa thuận và ký Hợp đồng với Bên cung cấp và thực hiện các quy định tại Điều 10, Điều 11 và Điều 12 Nghị định 59 trước khi tiếp nhận NG, dẫn xuất của NG;

Việc chuyển giao NG, dẫn xuất của NG đã được cấp Giấy phép tiếp cận NG cho bên thứ ba phải bao gồm chuyển giao các nghĩa vụ được quy định tại Giấy phép tiếp cận NG và Hợp đồng ABS đã ký giữa Bên cung cấp và Bên tiếp cận, bao gồm cả quy định về chia sẻ lợi ích từ việc sử dụng NG cho Bên cung cấp.

“Bên thứ ba” là tổ chức, cá nhân tiếp cận để sử dụng NG, dẫn xuất của NG được chuyển giao từ Bên tiếp cận đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép.

46. Điều 18 Nghị định 59

47. Điều 14 Nghị định 59

Việc chuyển giao cho bên thứ ba được hiểu là chuyển giao toàn bộ quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân tiếp cận, và được xác định là chỉ có một bên thứ ba. Việc đăng ký quyền sở hữu trí

tuệ đối với kết quả sáng tạo từ sử dụng NG, dẫn xuất của NG phải ghi rõ nguồn gốc/xuất xứ của NG đã tiếp cận và tuân thủ quy định tại khoản 2 Điều 22 Nghị định 59.

7. Báo cáo kết quả việc thực hiện tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích⁴⁸

Các tổ chức, cá nhân tiếp cận NG, đưa NG được tiếp cận ra nước ngoài phải có trách nhiệm báo cáo bằng văn bản, gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền đã cấp phép như sau:

- Báo cáo hoạt động trong thời gian tiếp cận NG ghi tại Giấy phép tiếp cận NG;
- Định kỳ 02 năm một lần, báo cáo về tình hình, kết quả sử dụng NG;
- Báo cáo đột xuất khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu.

Các trường hợp học sinh, sinh viên, nghiên cứu sinh, tổ chức khoa học và công nghệ Việt Nam đưa NG ra nước ngoài, chậm nhất sau 03 tháng, kể từ ngày kết thúc chương trình học tập, nghiên cứu, có trách nhiệm báo cáo về kết quả học tập, nghiên cứu, gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền đã cho phép đưa NG ra nước ngoài.

Mẫu báo cáo tiếp cận NG và chia sẻ lợi ích từ việc sử dụng NG thực hiện theo quy định của Bộ TN&MT ban hành.



48. Điều 25 Nghị định 59

PHỤ LỤC

1. Thông tin liên lạc của cơ quan đầu mối quốc gia thực hiện Nghị định thư Nagoya và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp, gia hạn và thu hồi Giấy phép tiếp cận NG.
2. Các biểu mẫu quy định tại Phụ lục kèm theo Nghị định 59/2017/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ về quản lý tiếp cận NG và chia sẻ lợi ích từ việc sử dụng NG.



Phụ lục 1. THÔNG TIN LIÊN HỆ

1. Đầu mối quốc gia đối với Nghị định thư Nagoya:

TS. Nguyễn Văn Tài - Tổng cục trưởng Tổng cục Môi trường, Bộ Tài nguyên và Môi trường

Địa chỉ: Số 10 Tôn Thất Thuyết, Nam Từ Liêm, Hà Nội

Website của Bộ TNMT: <http://www.monre.gov.vn>

Trang thông tin về ABS: <http://vietnamabs.gov.vn>

2. Đầu mối quốc gia đối với Nghị định thư Nagoya:

TS. Hoàng Thị Thanh Nhân - Phó Cục trưởng Cục Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học, Tổng cục Môi trường, Bộ Tài Nguyên và Môi trường

Địa chỉ: số 10 Tôn Thất Thuyết, Nam Từ Liêm, Hà Nội

Email: hnhan@vea.gov.vn; hoangnhan.bca@gmail.com

3. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền về ABS:

3.1. Bộ Tài nguyên và Môi trường:

Địa chỉ: số 10 Tôn Thất Thuyết, Nam Từ Liêm, Hà Nội

Người liên hệ: Ths. Nguyễn Đặng Thu Cúc - Cục Bảo thiên nhiên và Đa dạng sinh học, Tổng cục Môi trường, Bộ Tài nguyên và Môi trường

Email: cucnguyen.bca@gmail.com/vanphongcucbaoton@gmail.com

Trang thông tin điện tử về ABS: <http://vietnamabs.gov.vn>

Dịch vụ công trực tuyến: <https://dvctt.monre.gov.vn/Pages/Default.aspx>

3.2. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

Địa chỉ: Số 02 Ngọc Hà, Ba Đình, Hà Nội

Người liên hệ: Ths. Nguyễn Thị Hồng Thanh - Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Email: thanhnth.khcn@mard.gov.vn

Website: <http://www.mard.gov.vn>

Phụ lục 2. CÁC BIỂU MẪU QUY ĐỊNH TẠI PHỤ LỤC KÈM THEO NGHỊ ĐỊNH 59/2017/NĐ-CP NGÀY 12 THÁNG 5 NĂM 2017 CỦA CHÍNH PHỦ VỀ QUẢN LÝ TIẾP CẬN NGUỒN GEN VÀ CHIA SẺ LỢI ÍCH TỪ VIỆC SỬ DỤNG NGUỒN GEN

Mẫu số 01	Mẫu văn bản bảo lãnh của tổ chức khoa học và công nghệ cho cá nhân đề nghị cấp giấy phép tiếp cận nguồn gen
Mẫu số 02	Mẫu đơn đăng ký tiếp cận nguồn gen
Mẫu số 03	Mẫu Hợp đồng tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích
Mẫu số 04	Mẫu Giấy phép tiếp cận nguồn gen
Mẫu số 05	Mẫu đơn đề nghị gia hạn giấy phép tiếp cận nguồn gen
Mẫu số 06	Mẫu quyết định gia hạn giấy phép tiếp cận nguồn gen
Mẫu số 07	Mẫu quyết định thu hồi giấy phép tiếp cận nguồn gen
Mẫu số 08	Mẫu đơn (văn bản) đề nghị đưa nguồn gen ra nước ngoài phục vụ học tập/nghiên cứu không vì mục đích thương mại
Mẫu số 09	Mẫu quyết định cho phép đưa nguồn gen ra khỏi lãnh thổ Việt Nam phục vụ học tập/nghiên cứu không vì mục đích thương mại

TÊN TỔ CHỨC BẢO LÃNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

(Địa danh), ngày tháng năm

Kính gửi: (Cơ quan nhà nước có thẩm quyền)

BÊN BẢO LÃNH:

Tên tổ chức bảo lãnh:

Địa chỉ trụ sở:.....

Số, ký hiệu Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ:..... ;

ngày cấp:.....; nơi cấp:.....

Lĩnh vực khoa học và công nghệ được cấp phép hoạt động:.....

Tên người đại diện theo pháp luật của tổ chức:

Chức vụ:

Điện thoại:..... Fax:.....

BÊN ĐƯỢC BẢO LÃNH:

Họ và tên:.....

Số thẻ căn cước công dân hoặc giấy tờ tương đương:.....; ngày cấp:.....;

nơi cấp:.....

Đơn vị công tác:

Địa chỉ liên hệ:

Lĩnh vực chuyên môn:

Điện thoại:..... Fax:.....

Địa chỉ thư điện tử:

Ông/Bà (tên bên được bảo lãnh) ... Bên được bảo lãnh hiện đang là thành viên của (tên bên bảo lãnh) với chức danh là ...

Bằng văn bản này, chúng tôi - ...(tên bên bảo lãnh)... chấp thuận bảo lãnh cho ...Ông/Bà (tên bên được bảo lãnh)... trong việc thực hiện các nghĩa vụ pháp lý của ...Ông/Bà (tên bên được bảo lãnh)... được quy định tại Hợp đồng về tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích số ... ngày ... ký giữa ...(tên Bên cung cấp)... và ...(tên Bên tiếp cận)...

Chúng tôi khẳng định rằng, trong trường hợp ...Ông/Bà (tên bên được bảo lãnh)... không thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ theo cam kết tại Hợp đồng số ..., chúng tôi sẽ chịu trách nhiệm thực hiện các quy định về nghĩa vụ của ...Ông/Bà (tên bên được bảo lãnh)... theo Hợp đồng nêu trên.

Văn bản bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày ký phát hành.

Văn bản bảo lãnh này được lập thành ... bản, không có giá trị chuyển nhượng và không hủy ngang.

Văn bản bảo lãnh này được điều chỉnh và giải thích theo pháp luật Việt Nam./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT,....

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA
TỔ CHỨC BẢO LÃNH**

(Ký, ghi rõ họ và tên kèm theo chức danh và đóng dấu)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐĂNG KÝ TIẾP CẬN NGUỒN GEN

Kính gửi: (Cơ quan nhà nước có thẩm quyền)

1. Thông tin chung về tổ chức, cá nhân đăng ký:

- Đối với tổ chức: Tên đầy đủ của tổ chức; số, ký hiệu của giấy phép đăng ký kinh doanh, hoạt động hoặc quyết định thành lập, ngày cấp, nơi cấp; tên người đại diện của tổ chức; chức vụ; tên người đại diện liên lạc của tổ chức; địa chỉ liên hệ; điện thoại; fax; địa chỉ thư điện tử.
- Đối với cá nhân:
 - + Họ và tên; số thẻ căn cước công dân hoặc giấy tờ tương đương, ngày cấp, nơi cấp; địa chỉ liên hệ; điện thoại; fax; địa chỉ thư điện tử;
 - + Trình độ và lĩnh vực chuyên môn của cá nhân;
 - + Thông tin về tổ chức khoa học và công nghệ mà cá nhân là thành viên: tên đầy đủ của tổ chức; số, ký hiệu của giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ, ngày cấp, nơi cấp; tên người đại diện của tổ chức; chức vụ; địa chỉ liên hệ; điện thoại; fax

2. Nội dung đăng ký:

- Nguồn gen đăng ký tiếp cận (tên thông thường, tên khoa học, tên khác);
- Lượng nguồn gen dự kiến tiếp cận (nêu rõ bao nhiêu mẫu nguồn gen, số lượng/khối lượng).
- Mục đích tiếp cận nguồn gen:
 - Nghiên cứu không vì mục đích thương mại
 - Nghiên cứu vì mục đích thương mại
 - Phát triển sản phẩm thương mại
- Thời gian tiếp cận (thời điểm bắt đầu và kết thúc, thời gian tiếp cận không quá 3 năm);
- Địa điểm tiếp cận:
- Bên cung cấp:
 - Đã có Bên cung cấp (ghi rõ tên, địa chỉ liên hệ của Bên cung cấp)
 - Đề nghị giới thiệu Bên cung cấp
- Hoạt động phát sinh dự kiến (nếu có):
 - Đưa nguồn gen ra nước ngoài
 - Chuyển giao cho bên thứ ba mà không thay đổi mục đích tiếp cận

3. Dự kiến phương án tiếp cận:

- Thời gian tiếp cận (thời điểm bắt đầu, kết thúc);
- Cách thức tiếp cận (phương tiện, công cụ tiếp cận, sử dụng);
- Địa điểm tiếp cận (tiếp cận ngoài tự nhiên, tiếp cận tại cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học, bộ sưu tập...);
- Tổ chức, cá nhân Việt Nam thực hiện điều tra, thu thập nguồn gen (ghi rõ tên, địa chỉ và đầu mối liên hệ...);

4. Việc sử dụng tri thức truyền thống về nguồn gen (nếu có):

Nêu các thông tin khái quát về việc dự kiến sử dụng tri thức truyền thống về nguồn gen.

5. Tài liệu kèm theo Đơn đăng ký (liệt kê các tài liệu kèm theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Nghị định số/2017/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2017 của Chính phủ về quản lý tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích từ việc sử dụng nguồn gen và các tài liệu khác, nếu có)

6. Cam kết

(Tên tổ chức, cá nhân đăng ký) bảo đảm và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về tính trung thực của các thông tin, dữ liệu được cung cấp trong đơn đăng ký này và hồ sơ kèm theo.

Đề nghị quý cơ quan xác nhận đăng ký tiếp cận nguồn gen./.

(Địa danh), ngày... tháng ... năm ...

Tổ chức/cá nhân đăng ký

(Ký, ghi rõ họ và tên kèm theo chức danh và đóng dấu nếu có)

HỢP ĐỒNG TIẾP CẬN NGUỒN GEN VÀ CHIA SẺ LỢI ÍCH

(Số:.....-...../Bên cung cấp - Bên tiếp cận)

- Căn cứ Nghị định thư Nagoya về tiếp cận nguồn gen và chia sẻ công bằng, hợp lý lợi ích phát sinh từ việc sử dụng nguồn gen trong khuôn khổ Công ước Đa dạng sinh học;
- Căn cứ Bộ luật dân sự năm 2015;
- Căn cứ Luật đa dạng sinh học năm 2008;
- Căn cứ Nghị định số .../2017/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2017 của Chính phủ về quản lý tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích từ việc sử dụng nguồn gen;
- Căn cứ vào nhu cầu của (tên Bên cung cấp) và (tên Bên tiếp cận);

Hợp đồng này được lập ngày....tháng....năm....tại (địa điểm)....

Giữa

TÊN TỔ CHỨC/CÁ NHÂN CUNG CẤP NGUỒN GEN (Sau đây gọi là “Bên cung cấp”)

- Đối với tổ chức: Tên đầy đủ của tổ chức; số, ký hiệu của giấy phép đăng ký kinh doanh, hoạt động, ngày cấp, nơi cấp; số, ký hiệu của quyết định thành lập hoặc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, mặt nước nơi nguồn gen được tiếp cận, ngày cấp, nơi cấp; tên người đại diện của tổ chức; chức vụ; tên người đại diện liên lạc của tổ chức; địa chỉ liên hệ; điện thoại; fax; địa chỉ thư điện tử.
- Đối với cá nhân: Họ và tên; số thẻ căn cước công dân hoặc giấy tờ tương đương, ngày cấp, nơi cấp; số, ký hiệu của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, mặt nước nơi nguồn gen được tiếp cận, ngày cấp, nơi cấp; địa chỉ liên hệ; điện thoại; fax; địa chỉ thư điện tử.

Và

TÊN TỔ CHỨC/CÁ NHÂN TIẾP CẬN NGUỒN GEN (Sau đây gọi là “Bên tiếp cận”)

- Đối với tổ chức: Tên đầy đủ của tổ chức; số, ký hiệu của giấy phép đăng ký kinh doanh, hoạt động hoặc quyết định thành lập, ngày cấp, nơi cấp; tên người đại diện của tổ chức; chức vụ; tên người đại diện liên lạc của tổ chức; địa chỉ liên hệ; điện thoại; fax; địa chỉ thư điện tử.
- Đối với cá nhân:
 - + Họ và tên; số thẻ căn cước công dân hoặc giấy tờ tương đương, ngày cấp, nơi cấp; địa chỉ liên hệ; điện thoại; fax; địa chỉ thư điện tử;
 - + Thông tin chi tiết về tổ chức khoa học và công nghệ mà cá nhân là thành viên: Tên đầy đủ của tổ chức; số, ký hiệu của giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ, ngày cấp, nơi cấp; tên người đại diện của tổ chức; chức vụ; địa chỉ liên hệ; điện thoại; fax.

(Trường hợp có nhiều tổ chức, cá nhân cùng hợp tác để thực hiện tiếp cận nguồn gen, các tổ chức, cá nhân này phải cung cấp đầy đủ các thông tin; tiến hành thỏa thuận, thống nhất các điều khoản và cùng ký Hợp đồng)

HAI BÊN CÙNG THỎA THUẬN NHƯ SAU:

Điều 1. Bên cung cấp và Bên tiếp cận/ Bên sử dụng thống nhất việc cung cấp và sử dụng nguồn gen với các thông tin cụ thể sau đây:

1. Nguồn gen: Tên thông thường, tên khác, tên khoa học.
2. Mẫu nguồn gen tiếp cận; cách thức, số lượng, khối lượng tiếp cận: Nêu rõ bao nhiêu mẫu vật, khối lượng, cá thể...
3. Mục đích tiếp cận nguồn gen: Ghi rõ mục đích là 1 trong 3 trường hợp: Nghiên cứu không vì mục đích thương mại; nghiên cứu vì mục đích thương mại hoặc phát triển sản phẩm thương mại.
4. Thời gian tiếp cận nguồn gen (bắt đầu, kết thúc): Thời hạn của Giấy phép tiếp cận nguồn gen tối đa không quá 03 năm.
5. Địa điểm tiếp cận nguồn gen.
6. Thông tin cụ thể của các bên dự kiến sử dụng nguồn gen và địa điểm thực hiện các hoạt động sử dụng nguồn gen.
7. Thông tin về dự kiến sử dụng tri thức truyền thống về nguồn gen (nếu có).
8. Thông tin về việc đưa nguồn gen ra khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
9. Các thỏa thuận khác.

(Chi tiết tại Phụ lục kèm theo về Kế hoạch tiếp cận nguồn gen)

Điều 2. Chia sẻ lợi ích thu được từ việc sử dụng nguồn gen

Tùy từng trường hợp cụ thể, Bên cung cấp và Bên tiếp cận tiến hành thương thảo về hình thức, cách thức chia sẻ lợi ích phù hợp với quy định tại Điều 21, Điều 22 và Điều 23 Nghị định số/2017/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2017 của Chính phủ về quản lý tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích từ việc sử dụng nguồn gen và các quy định pháp luật khác có liên quan về chia sẻ lợi ích từ việc sử dụng nguồn gen.

Điều 3. Nghĩa vụ của Bên tiếp cận

1. Đối với việc tiếp cận nguồn gen:
 - Chỉ triển khai điều tra, thu thập nguồn gen theo Kế hoạch tiếp cận nguồn gen sau khi có Giấy phép tiếp cận nguồn gen do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp;
 - Tiếp cận nguồn gen theo quy định tại Điều 1 của Hợp đồng này.
2. Đối với việc sử dụng nguồn gen:
 - Chỉ được sử dụng nguồn gen theo mục đích tiếp cận nguồn gen đã được quy định tại Hợp đồng này;
 - Đối với việc phát triển sản phẩm thương mại, phải định kỳ thông tin, báo cáo với Bên cung cấp, cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định về tình hình sử dụng nguồn gen, thông tin về doanh thu từ việc sử dụng và thương mại hóa sản phẩm từ nguồn gen.
3. Thay đổi mục đích tiếp cận, sử dụng nguồn gen: Việc thay đổi mục đích tiếp cận nguồn gen được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Nghị định số/2017/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2017 của Chính phủ về quản lý tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích từ việc sử dụng nguồn gen.

4. Về quyền sở hữu trí tuệ đối với kết quả sáng tạo trên cơ sở tiếp cận nguồn gen:
 - Bên tiếp cận đảm bảo cung cấp thông tin về nguồn gốc, xuất xứ nguồn gen của Bên cung cấp khi đăng ký xác lập quyền sở hữu trí tuệ đối với kết quả sáng tạo trên cơ sở tiếp cận, sử dụng nguồn gen;
 - Khi tiến hành thương mại hóa quyền sở hữu trí tuệ đối với kết quả sáng tạo từ sử dụng nguồn gen được tiếp cận, Bên tiếp cận phải đảm bảo chia sẻ lợi ích theo Điều 2 của Hợp đồng này và đảm bảo tuân thủ quy định tại khoản 2 Điều 22 Nghị định số/2017/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2017 của Chính phủ về quản lý tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích từ việc sử dụng nguồn gen.
5. Chuyển giao nguồn gen đã được tiếp cận cho bên thứ ba: Thực hiện theo các quy định tại khoản 2 Điều 14 Nghị định số/2017/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2017 của Chính phủ về quản lý tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích từ việc sử dụng nguồn gen.
6. Nghĩa vụ chia sẻ lợi ích: Thực hiện chia sẻ lợi ích quy định tại Điều 2 của Hợp đồng này.
7. Chế độ thông tin, báo cáo: Thực hiện chế độ báo cáo theo quy định tại Nghị định về quản lý tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích từ việc sử dụng nguồn gen và các quy định của pháp luật về tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích.
8. Thanh toán cho Bên cung cấp và các bên liên quan thù lao, chi phí, các khoản phí, lệ phí, thuế theo quy định.
9. Các nghĩa vụ khác theo thỏa thuận giữa các bên.

Điều 4. Nghĩa vụ của Bên cung cấp

1. Phối hợp với Bên tiếp cận trong quá trình đề nghị cấp Giấy phép tiếp cận nguồn gen khi có yêu cầu.
2. Cung cấp cho Bên tiếp cận các nguồn gen theo quy định tại Điều 1 của Hợp đồng này.
3. Các nghĩa vụ khác theo thỏa thuận giữa các bên.

Điều 5. Phương thức giải quyết tranh chấp

Các tranh chấp, khiếu nại liên quan đến việc tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích từ việc sử dụng nguồn gen được giải quyết theo quy định của pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

Điều 6. Chế độ sổ sách kế toán

Bên tiếp cận có trách nhiệm duy trì và cập nhật chính xác, đầy đủ sổ sách kế toán và báo cáo liên quan đến Hợp đồng này, bao gồm:

1. Các giao dịch được thực hiện.
2. Báo cáo riêng rẽ về các biên lai, hóa đơn.
3. Các sổ sách kế toán có thể được tiếp cận và kiểm tra, tất cả được lập theo tiêu chuẩn kế toán chung.
4. Các báo cáo, sổ sách ghi chép về doanh thu có được từ việc khai thác sử dụng nguồn gen được tiếp cận để đảm bảo các khoản thanh toán được chính xác.

5. Bên tiếp cận phải lưu sổ sách kế toán, báo cáo liên quan đến các mẫu vật trong vòng ... năm kể từ ngày hết hạn hoặc chấm dứt Hợp đồng này. Điều khoản này vẫn duy trì ngay cả khi Hợp đồng hết hạn hoặc chấm dứt trước thời hạn.

6. Các thỏa thuận khác.

Ngoài các nội dung nêu trên, tùy theo từng trường hợp cụ thể, các bên có thể thỏa thuận về những nội dung sau đây:

- Thuế, phí, lệ phí.
- Thỏa thuận về bảo mật thông tin phù hợp với quy định pháp luật.
- Bảo hiểm.
- Tiếp cận hồ sơ, sổ sách.
- Sửa đổi, bổ sung Hợp đồng.
- Chấm dứt và thanh lý Hợp đồng.
- Các trường hợp bất khả kháng.
- Các nội dung khác có liên quan.

Hợp đồng này được lập thành ...bản chính (mỗi bản chính gồm tờ,trang). Mỗi bên giữ ... bản, 01 bản gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

BÊN CUNG CẤP

*(Ký, ghi rõ họ và tên kèm theo
chức danh và đóng dấu nếu có)*

BÊN TIẾP CẬN

*(Ký, ghi rõ họ và tên kèm theo
chức danh và đóng dấu nếu có)*

Hợp đồng tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích giữa ... (Bên tiếp cận)... và.... (Bên cung cấp) ... tại (địa bàn nơi tiếp cận nguồn gen hoặc địa điểm đăng ký trụ sở của Bên cung cấp).

Lưu tại Ủy ban nhân dân ...(cấp xã)... 01 (một) bản chính.

(Địa danh), ngày... tháng... năm...

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ

*(Ký, ghi rõ họ và tên kèm theo
chức danh và đóng dấu)*

KẾ HOẠCH TIẾP CẬN NGUỒN GEN

(Phụ lục kèm theo Hợp đồng tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích)

1. Thông tin chung về nguồn gen tiếp cận

- Tên nguồn gen (tên thông thường, tên khoa học, tên khác).
- Mẫu nguồn gen.
- Số lượng/khối lượng nguồn gen tiếp cận; (nêu rõ bao nhiêu mẫu vật, trọng lượng, cá thể...).
- Mục đích tiếp cận nguồn gen.
- Thời gian tiếp cận (bắt đầu, kết thúc): Thời hạn của Giấy phép tiếp cận nguồn gen tối đa không quá 03 năm.
- Địa điểm tiếp cận.

Tiếp cận ngoài tự nhiên:

- + Vị trí khu vực tiếp cận: Nêu rõ lô, khoảnh, tiểu khu đối với rừng và tọa độ địa lý đối với các hệ sinh thái khác;
- + Ranh giới: Mô tả rõ ranh giới tự nhiên, kèm sơ đồ, bản đồ khu tiếp cận tỷ lệ nhỏ nhất là 1:10.000;
- + Diện tích khu vực tiếp cận;
- + Hiện trạng hệ sinh thái, khu hệ động vật, thực vật tại khu vực tiếp cận.

Tiếp cận tại cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học, bộ sưu tập:

Thông tin về nguồn gen dự kiến tiếp cận được lưu giữ tại cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học, bộ sưu tập (thời gian, địa điểm đã thu thập nguồn gen).

2. Phương án tiếp cận

- Cách thức tiếp cận và phương pháp tiến hành (phương tiện, công cụ tiếp cận, sử dụng, kỳ/đợt thu mẫu).
- Tổ chức, cá nhân Việt Nam tham gia thực hiện điều tra, thu thập nguồn gen (ghi rõ tên, địa chỉ và đầu mối liên hệ....).

3. Đánh giá tác động của việc tiếp cận nguồn gen đến đa dạng sinh học, kinh tế và xã hội

- Dự báo các tác động có thể gây ảnh hưởng đến đa dạng sinh học, hệ sinh thái nơi tiếp cận, kinh tế - xã hội.
- Đề xuất giải pháp nhằm ngăn chặn, giảm thiểu các tác động nêu trên.

4. Kế hoạch sử dụng nguồn gen

- Mục đích và kết quả dự kiến của việc sử dụng nguồn gen.
- Việc sử dụng tri thức truyền thống kết hợp với các nguồn gen trong việc sử dụng các nguồn tài nguyên di truyền, bao gồm cả việc xác định các đặc tính, công dụng và lợi ích của nguồn gen (nếu có, mô tả những tri thức truyền thống kết hợp với các nguồn gen và xác định các cộng đồng và cá nhân cung cấp các tri thức truyền thống nếu có sự khác biệt so với các nhà cung cấp các nguồn gen này).
- Tổ chức, cá nhân Việt Nam tham gia thực hiện nghiên cứu, phát triển sản phẩm thương mại từ nguồn gen, dẫn xuất của nguồn gen (ghi rõ tên, địa chỉ và đầu mối liên hệ....).
- Địa điểm tiến hành nghiên cứu, phát triển sản phẩm thương mại từ nguồn gen, dẫn xuất của nguồn gen.
- Hoạt động phát sinh dự kiến (nếu có):
 - + Đưa nguồn gen ra khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (chi tiết số lượng/khối lượng nguồn gen và số lần đưa nguồn gen ra nước ngoài);
 - + Chuyển giao nguồn gen cho bên thứ ba mà không làm thay đổi mục đích sử dụng.

(Kèm theo thông tin về tổ chức, cá nhân tiếp nhận nguồn gen, thời điểm đưa nguồn gen được tiếp cận ra nước ngoài; hoạt động sử dụng dự kiến).

5. Cam kết chia sẻ lợi ích từ việc sử dụng nguồn gen

(Hình thức, cách thức và việc thực hiện chia sẻ lợi ích từ việc sử dụng nguồn gen được thống nhất trong Hợp đồng tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích giữa Bên tiếp cận và Bên cung cấp)

BỘ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-....

(Địa danh), ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH

Về việc cấp Giấy phép tiếp cận nguồn gen

(Hồ sơ gốc số ngày

BỘ TRƯỞNG BỘ ...

Căn cứ Nghị định số .../201.../ND-CP ngày tháng năm của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ ...;

Căn cứ Nghị định số/2017/ND-CP ngày ... tháng ... năm 2017 của Chính phủ về quản lý tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích từ việc sử dụng nguồn gen;

Xét hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép tiếp cận nguồn gen của... (tên tổ chức/cá nhân)....;

Theo đề nghị của (tên cơ quan thường trực thẩm định),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp Giấy phép tiếp cận nguồn gen cho:

- Đối với tổ chức: Tên đầy đủ của tổ chức; số, ký hiệu của giấy phép đăng ký kinh doanh, hoạt động hoặc quyết định thành lập, ngày cấp, nơi cấp; tên người đại diện của tổ chức; chức vụ; tên người đại diện liên lạc của tổ chức; địa chỉ liên hệ; điện thoại; fax; địa chỉ thư điện tử.
- Đối với cá nhân:
 - + Họ và tên; số thẻ căn cước công dân hoặc giấy tờ tương đương, ngày cấp, nơi cấp; địa chỉ liên hệ; điện thoại; fax; địa chỉ thư điện tử; lĩnh vực chuyên môn về khoa học và công nghệ;
 - + Thông tin chi tiết về tổ chức bảo lãnh: Tên đầy đủ của tổ chức; số, ký hiệu của giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ, ngày cấp, nơi cấp; tên người đại diện của tổ chức; chức vụ; địa chỉ liên hệ; điện thoại; fax;
 - + Số, ký hiệu; địa danh và ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên văn bản bảo lãnh; tổ chức ban hành văn bản.

Điều 2. Phạm vi tiếp cận, sử dụng nguồn gen:

1. Nguồn gen: Tên thông thường, tên khác, tên khoa học.
2. Mẫu nguồn gen tiếp cận; cách thức, số lượng, khối lượng tiếp cận.
3. Mục đích tiếp cận nguồn gen.
4. Thời gian tiếp cận nguồn gen (bắt đầu, kết thúc).
5. Địa điểm tiếp cận nguồn gen.
6. Bên cung cấp (tên, chi tiết liên hệ).
7. Thông tin của các bên sử dụng nguồn gen và địa điểm thực hiện các hoạt động sử dụng nguồn gen.
8. Thông tin về việc sử dụng tri thức truyền thống về nguồn gen.
9. Thông tin về việc đưa nguồn gen ra khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Điều 3. Trách nhiệm của (tên tổ chức, cá nhân) được cấp phép:

1. Sử dụng nguồn gen cho mục đích “...” (mục đích đăng ký).
2. Thực hiện Kế hoạch tiếp cận nguồn gen được ban hành kèm theo Quyết định này.
3. Thực hiện các nội dung tại Hợp đồng tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích số ngày ... tháng ... năm.... giữa (Bên tiếp cận) và (Bên cung cấp) được Ủy ban nhân dân cấp xã ... chứng thực ... ngày ... tháng ... năm....
4. Tuân thủ nghĩa vụ về báo cáo và các quy định khác có liên quan khi tiếp cận và sử dụng nguồn gen, dẫn xuất của nguồn gen có nguồn gốc, xuất xứ tại Việt Nam.

Điều 4. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký đến đến ngày ... tháng ... năm ...

Điều 5. Thủ trưởng (tên cơ quan thường trực thẩm định), ... và ... (tên tổ chức, cá nhân) ... chịu trách nhiệm thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Cơ quan đầu mối quốc gia;
- UBND xã.....;
- Lưu: VT,....

BỘ TRƯỞNG

(Ký, ghi rõ họ và tên, đóng dấu)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ GIA HẠN GIẤY PHÉP TIẾP CẬN NGUỒN GEN

Kính gửi: (Cơ quan nhà nước có thẩm quyền).

1. Thông tin chung

- Tổ chức, cá nhân đề nghị gia hạn thời gian tiếp cận nguồn gen:
 - + Đối với tổ chức: Tên đầy đủ của tổ chức; số, ký hiệu của giấy phép đăng ký kinh doanh, hoạt động hoặc quyết định thành lập, ngày cấp, nơi cấp; tên người đại diện của tổ chức; chức vụ; tên người đại diện liên lạc của tổ chức; địa chỉ liên hệ; điện thoại; fax; địa chỉ thư điện tử;
 - + Đối với cá nhân:
 - Họ và tên; số thẻ căn cước công dân hoặc giấy tờ tương đương, ngày cấp, nơi cấp; địa chỉ liên hệ; điện thoại; fax; địa chỉ thư điện tử;
 - Thông tin chi tiết về tổ chức khoa học và công nghệ mà cá nhân là thành viên: Tên đầy đủ của tổ chức; số, ký hiệu của giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ, ngày cấp, nơi cấp; tên người đại diện của tổ chức; chức vụ; địa chỉ liên hệ; điện thoại; fax.
- Giấy phép tiếp cận nguồn gen đã được cấp theo Quyết định số ... /QĐ-... ngày ... tháng ... năm ... của Bộ trưởng Bộ...

2. Tóm tắt tình hình, kết quả hoạt động tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích đã thực hiện

3. Nội dung đề nghị gia hạn Giấy phép tiếp cận nguồn gen

- Lý do (nêu rõ lý do và giải trình) về đề nghị gia hạn:.....
- Thời gian đề nghị gia hạn: Từ... đến ...

4. Tài liệu gửi kèm theo (liệt kê các tài liệu kèm theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Nghị định số.../2017/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2017 của Chính phủ về quản lý tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích từ việc sử dụng nguồn gen).

(Tên tổ chức, cá nhân đề nghị) bảo đảm và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về tính trung thực của các thông tin, dữ liệu được cung cấp trong đơn đề nghị này và hồ sơ kèm theo.

Đề nghị quý cơ quan xem xét gia hạn Giấy phép tiếp cận nguồn gen đã được cấp./.

(Địa danh), ngày... tháng ... năm ...

Tổ chức/cá nhân đề nghị

(Ký, ghi rõ họ và tên kèm theo chức danh, đóng dấu nếu có)

BỘ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-....

(Địa danh), ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH

Về việc gia hạn Giấy phép tiếp cận nguồn gen

BỘ TRƯỞNG BỘ ...

Căn cứ Nghị định số .../201.../NĐ-CP ngày ... tháng ... năm ... của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ...;

Căn cứ Nghị định số .../2017/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2017 của Chính phủ về quản lý tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích từ việc sử dụng nguồn gen;

Xét hồ sơ đề nghị gia hạn Giấy phép tiếp cận nguồn gen của... (tên tổ chức/cá nhân);

Theo đề nghị của (tên cơ quan thường trực thẩm định),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Gia hạn thời gian tiếp cận nguồn gen tại Quyết định số ... /QĐ-.... ngày ... tháng ... năm ... của Bộ trưởng Bộ về việc cấp Giấy phép tiếp cận nguồn gen từ ngày... tháng ... năm ... đến ngày ... tháng ... năm ...

Điều 2. Các nội dung không điều chỉnh tại Quyết định này thực hiện theo Quyết định số ... /QĐ-.... ngày ... tháng ... năm ... của Bộ trưởng Bộ về việc cấp Giấy phép tiếp cận nguồn gen.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký đến ngày ... tháng ... năm ...

Điều 4. Thủ trưởng (tên cơ quan thường trực thẩm định), và... (tên tổ chức, cá nhân) ... chịu trách nhiệm thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Cơ quan đầu mối quốc gia;
- UBND xã.....;
- Lưu: VT,....

BỘ TRƯỞNG

(Ký, ghi rõ họ và tên, đóng dấu)

BỘ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-....

(Địa danh), ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thu hồi Quyết định cấp Giấy phép tiếp cận nguồn gen

BỘ TRƯỞNG BỘ ...

Căn cứ Nghị định số.../201.../NĐ-CP ngày tháng năm của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ...;

Căn cứ Nghị định số/2017/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2017 của Chính phủ về quản lý tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích từ việc sử dụng nguồn gen;

Theo đề nghị của (tên cơ quan thường trực thẩm định),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thu hồi Quyết định số ... ngày ... tháng ... năm ... của Bộ trưởng Bộ... về việc cấp Giấy phép tiếp cận nguồn gen.

(Tên tổ chức, cá nhân) đã được cấp Giấy phép tiếp cận nguồn gen tại Quyết định số ... phải chấm dứt ngay hoạt động tiếp cận nguồn gen tại

Việt Nam và thực hiện các nghĩa vụ sau:

.....

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Thủ trưởng (tên cơ quan thường trực thẩm định), và ... (tên tổ chức, cá nhân) ... chịu trách nhiệm thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cơ quan đầu mối quốc gia;
- UBND xã.....;
- Lưu: VT,....

BỘ TRƯỞNG

(Ký, ghi rõ họ và tên, đóng dấu)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN (VĂN BẢN) ĐỀ NGHỊ ĐƯA NGUỒN GEN RA KHỎI LÃNH THỔ VIỆT NAM PHỤC VỤ HỌC TẬP/ NGHIÊN CỨU KHÔNG VÌ MỤC ĐÍCH THƯƠNG MẠI

Kính gửi: (Cơ quan nhà nước có thẩm quyền)

1. Thông tin về tổ chức khoa học và công nghệ/cá nhân đăng ký

- Đối với tổ chức khoa học và công nghệ: Tên đầy đủ của tổ chức; số, ký hiệu của giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ, ngày cấp, nơi cấp; tên người đại diện của tổ chức; chức vụ; địa chỉ liên hệ; điện thoại; fax.
- Đối với cá nhân: Họ và tên; số thẻ căn cước công dân hoặc giấy tờ tương đương, ngày cấp, nơi cấp; địa chỉ liên hệ; điện thoại; fax; địa chỉ thư điện tử; thông tin chi tiết về tổ chức khoa học và công nghệ hoặc cơ sở đào tạo mà học sinh, sinh viên, nghiên cứu sinh đang học tập.

2. Mục đích đưa ra nước ngoài

- Nghiên cứu không vì mục đích thương mại
- Học tập

3. Thông tin về nguồn gen đưa ra nước ngoài

TT	Nội dung	Thông tin chi tiết
1.	Tên nguồn gen	(Tên thông thường, tên khoa học, tên khác)
2.	Địa điểm thu thập nguồn gen	(Địa chỉ, tọa độ khu vực đã thu thập nguồn gen)
3.	Thời gian thu thập nguồn gen	
4.	Mẫu nguồn gen	(Bộ phận thu thập, tiếp cận)
5.	Số lượng/ Khối lượng đã thu thập	
6.	Mô tả cách thức đã thu thập	(Phương tiện, công cụ, thiết bị sử dụng; hình thức tiếp cận)
7.	Tri thức truyền thống về nguồn gen (nếu có sử dụng)	
8.	Số lượng/Khối lượng nguồn gen đăng ký đưa ra khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam	

4. Thông tin về Bên cung cấp

- Đối với tổ chức: Tên đầy đủ của tổ chức; giấy phép đăng ký kinh doanh, hoạt động; quyết định thành lập hoặc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, mặt nước; tên người đại diện của tổ chức; chức vụ; tên người đại diện liên lạc của tổ chức; địa chỉ liên hệ; điện thoại; fax; địa chỉ thư điện tử.
- Đối với cá nhân: Họ và tên; số thẻ căn cước công dân hoặc giấy tờ tương đương, ngày cấp, nơi cấp; số, ký hiệu của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, mặt nước; địa chỉ liên hệ; điện thoại; fax; địa chỉ thư điện tử.

5. Thông tin về việc sử dụng nguồn gen ở nước ngoài

Cung cấp thông tin cụ thể về tổ chức, cá nhân nước ngoài hợp tác, tiếp nhận nguồn gen để phục vụ học tập/nghiên cứu không vì mục đích thương mại.

6. Tài liệu kèm theo Đơn đề nghị (liệt kê các tài liệu kèm theo quy định tại Điều 20 Nghị định số/2017/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2017 của Chính phủ về quản lý tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích từ việc sử dụng nguồn gen và các tài liệu khác, nếu có).

7. Cam kết

(Tổ chức khoa học và công nghệ/cá nhân) cam kết:

- Chỉ sử dụng nguồn gen đề nghị đưa ra nước ngoài phục vụ học tập/nghiên cứu không vì mục đích thương mại;
- Không chuyển giao nguồn gen đề nghị đưa ra nước ngoài cho bên thứ ba;
- Tuân thủ nghĩa vụ về báo cáo được quy định tại Nghị định số/2017/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2017 của Chính phủ về quản lý tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích từ việc sử dụng nguồn gen;
- Bảo đảm và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về tính trung thực của các thông tin, dữ liệu được cung cấp trong đơn đề nghị này và hồ sơ kèm theo.

Đề nghị quý cơ quan xem xét cho phép đưa nguồn gen đề nghị nêu trên ra nước ngoài phục vụ học tập/nghiên cứu không vì mục đích thương mại./.

(Địa danh), ngày tháng năm ...

Tổ chức/cá nhân đăng ký

(Ký, ghi rõ họ và tên kèm theo chức danh và đóng dấu nếu có)

BỘ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-....

(Địa danh), ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc cho phép đưa nguồn gen ra nước ngoài phục vụ
nghiên cứu, học tập không vì mục đích thương mại**

BỘ TRƯỞNG BỘ ...

Căn cứ Nghị định số .../201.../NĐ-CP ngày tháng năm của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ ...;

Căn cứ Nghị định số/2017/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2017 của Chính phủ về quản lý tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích từ việc sử dụng nguồn gen;

Xét hồ sơ đề nghị đưa nguồn gen ra khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam phục vụ học tập/nghiên cứu không vì mục đích thương mại của... (tổ chức khoa học và công nghệ/cá nhân)...;

Theo đề nghị của (tên cơ quan thường trực thẩm định),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thông tin về tổ chức khoa học và công nghệ/cá nhân được cho phép đưa nguồn gen ra nước ngoài phục vụ học tập/nghiên cứu không vì mục đích thương mại:

- Đối với tổ chức khoa học và công nghệ: Tên đầy đủ của tổ chức; số, ký hiệu của giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ, ngày cấp, nơi cấp; tên người đại diện của tổ chức; chức vụ; địa chỉ liên hệ; điện thoại; fax.
- Đối với cá nhân: Họ và tên; số thẻ căn cước công dân hoặc giấy tờ tương đương, ngày cấp, nơi cấp; địa chỉ liên hệ; điện thoại; fax; địa chỉ thư điện tử; thông tin chung về tổ chức khoa học và công nghệ hoặc cơ sở đào tạo mà học sinh, sinh viên, nghiên cứu sinh đang học tập.

Điều 2. Thông tin về nguồn gen được cho phép đưa ra khỏi lãnh thổ Việt Nam phục vụ học tập/nghiên cứu không vì mục đích thương mại:

1. Nguồn gen (tên thông thường, tên khoa học, tên khác).
2. Mẫu nguồn gen.

3. Thông tin về Bên cung cấp (tên, chi tiết liên hệ).
4. Địa điểm đã thu thập nguồn gen.
5. Số lượng/Khối lượng nguồn gen được phép đưa ra khỏi lãnh thổ Việt Nam.
6. Địa điểm sử dụng nguồn gen ở nước ngoài (tên tổ chức nghiên cứu, cơ sở đào tạo, chi tiết liên hệ).

Điều 3. Trách nhiệm của (tên tổ chức khoa học và công nghệ/cá nhân) được cấp phép:

1. Chỉ sử dụng nguồn gen được cấp phép phục vụ mục đích “...” (học tập hoặc nghiên cứu không vì mục đích thương mại).
2. Không chuyển giao nguồn gen được cấp phép cho bên thứ ba.
3. Tuân thủ nghĩa vụ về báo cáo và các quy định của pháp luật Việt Nam về quản lý tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích từ việc sử dụng nguồn gen tại Nghị định số/2017/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2017 của Chính phủ và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 5. Thủ trưởng (tên cơ quan thường trực thẩm định), ...và (tên tổ chức khoa học và công nghệ/cá nhân)... chịu trách nhiệm thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như tại Điều 5;
- Cơ quan đầu mối quốc gia;
- UBND xã.....;
- Lưu: VT,....

BỘ TRƯỞNG

(Ký, ghi rõ họ và tên, đóng dấu)



CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN LIÊN HIỆP QUỐC (UNDP)
United Nations Development Programme



QUỸ MÔI TRƯỜNG TOÀN CẦU (GEF)
Global Environmental Facility



CỤC BẢO TỒN THIÊN NHIÊN VÀ ĐA DẠNG SINH HỌC - TỔNG CỤC MÔI TRƯỜNG
Biodiversity Conservation Agency (BCA)

Địa chỉ: Số 10 Tôn Thất Thuyết, Nam Từ Liêm, Hà Nội, Việt Nam.
Điện thoại: (84-24) 3795 6868 (Máy lẻ: 3117) * Fax: (84-24) 3941 2028
Email: absvnproject@gmail.com